**TUẦN 27**

**Ngày soạn: 22/ 3/ 2025**

**Ngày giảng: Thứ Hai ngày 24 tháng 3 năm 2025**

**Hoạt động trải nghiệm: Tiết 79**

**SHDC:BÀI 27:CHIA SẺ KHÓ KHĂN VỚI NGƯỜI KHUYẾT TẬT**

**(Tiết 1)**

**I.** **YÊU CÂU CẦN ĐẠT**

Sau bài học, học sinh:

- Nghe đánh giá, nhận xét tuần qua và phương hướng tuần tới; nhận biết những ưu điểm cần phát huy và nhược điểm cần khắc phục.

- Rèn kĩ năng chú ý lắng nghe tích cực, kĩ năng trình bày, nhận xét; tự giác tham gia các hoạt động,...

- Thể hiện được sự quan tâm, đồng cảm với hoàn cảnh khó khăn của người khiếm thị; bước đầu tìm hiểu về các dạng khuyết tật khác.

**II. ĐỒ DÙNG**

**-** Giáo viên: Loa, míc, máy tính có kết nối mạng Internet, video hài...

- Học sinh:Đồ dùng học tập

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU (35P)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1.Chào cờ**  **2. Sinh hoạt dưới cờ**  **3. Tổng kết, dặn dò** | - HS tập trung trên sân cùng HS toàn trường.  - Thực hiện nghi lễ chào cờ.  - GV trực ban tuần lên nhận xét thi đua.  - Đại diện BGH nhận xét bổ sung và triển khai các công việc tuần mới.  - Tham gia phong trào ngày thành lập Đoàn thanh nên cộng sản Hồ Chí Minh  \* Khởi động:  - GV yêu cầu HS khởi động hát  - GV dẫn dắt vào hoạt động.    - GV mời HS tham gia trải nghiệm làm việc trong bóng tối, GV có thể lựa chọn một trong số các hành động sau:  + HS nhắm mắt và lấy sách Toán, vở bài tập Tiếng Việt để lên bàn.  + HS nhắm mắt và thử vẽ một bông hoa lên tờ giấy.  + HS nhắm mắt và thử tự xúc ăn sữa chua.  - GV mời HS mở mắt và nhìn kết quả hành động mình vừa làm. - GV đặt câu hỏi để HS chia sẻ về cảm giác của mình: Làm việc trong bóng tối có khó không?  - Kết luận: Trong cuộc sống hằng ngày của chúng ta có những người phải sống và làm mọi việc trong bóng tối. Đó là những người không may mắn bị khiếm thị, bị mù.  - GV nhận xét, đánh giá tiết học, khen ngợi, biểu dương HS.  - GV dặn dò HS chuẩn bị nội dung HĐGD theo chủ đề | - HS điểu khiển lễ chào cờ.  - HS lắng nghe.  - HS hát.  - HS lắng nghe  - HS tham gia trải nghiệm làm việc trong bóng tối  - HS thực hành  - HS mở mắt và nhìn kết quả hành động mình vừa làm. GV đặt câu hỏi để HS chia sẻ về cảm giác của mình  - HS lắng nghe  - HS lắng nghe  - HS lắng nghe |

*\*Rút kinh nghiệm sau giờ dạy (nếu có)*

…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**Toán: Tiết 131**

**SO SÁNH CÁC SỐ CÓ BA CHỮ SỐ (Tiết 1)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

Sau bài học, học sinh:

- Nhận biết cách so sánh các số có ba chữ số dựa vào cách so sánh các chữ số cùng hàng của hai số,bắt đầu từ hàng trăm.

- Thực hành vận dụng so sánh 2 số có 3 chữ số

- Thông qua việc so sánh các số, Hs có cơ hội được phát triển năng lực tư duy, lập luận toán học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp toán học.

- Chăm chỉ, trách nhiệm, nhân ái, có tinh thần hợp tác trong khi làm việc nhóm.

**II. ĐỒ DÙNG**

**-** Giáo viên: Laptop; màn hình máy chiếu; clip, slide minh họa, ...Tranh khởi động, bảng trăm, chục, đơn vị được kẻ sẵn trên bảng nhóm

- Học sinh: SGK, vở, ...

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU (35P)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1.Khởi động**  **2.Khám phá**  **3. Vận dụng** | - GV tổ chức cho HS chơi trò chơi “Đố bạn”: ôn lại cách đọc viết.  - GV cho HS quan sát tranh khởi động GV nêu câu hỏi:  + Trong tranh, các bạn đang làm gì?  + Đội nào đang nhảy được nhiều lần hơn?  - GV kết hợp giới thiệu bài  a) So sánh 194 và 215  - Các em hãy tìm cách so sánh 2 số 194 và 215  - Yêu cầu HS quan sát từng số, viết số vào bảng trăm, chục, đơn vị   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | Số | Trăm | Chục | Đơn vị | | 194 | 1 | 9 | 4 | | 215 | 2 | 1 | 5 |   - 194 gồm mấy trăm, mấy chục, mấy đơn vị?  - 215 gồm mấy trăm, mấy chục, mấy đơn vị?  - GV hướng dẫn HS cách so sánh 2 số:  + Trước hết, ta so sánh các số trăm:  1 < 2 (hay 100 < 200)  Vậy 194 < 215; 215 > 194  - GV cho HS so sánh thêm số 327 và 298; 645 và 307  b) Các em hãy tìm cách so sánh 2 số 352 và 365  - Yêu cầu HS quan sát từng số, viết số vào bảng trăm, chục, đơn vị   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | Số | Trăm | Chục | Đơn vị | | 352 | 3 | 5 | 2 | | 365 | 3 | 6 | 5 |   - GV hướng dẫn HS các bước so sánh hai số:  - Trước hết, ta so sánh các số trăm:  3 = 3 (hay 300 = 300)  - Số trăm bằng nhau, ta so sánh tiếp số chục:  5 < 6 (hay 50 < 60). Vậy 352 < 365  - GV cho HS so sánh thêm số 327 và 398 ;742 và 726  c) Các em hãy tìm cách so sánh 2 số 899 và 897  - Yêu cầu HS quan sát từng số, viết số vào bảng trăm, chục, đơn vị   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | Số | Trăm | Chục | Đơn vị | | 899 | 8 | 9 | 9 | | 897 | 8 | 9 | 7 |   - GV hướng dẫn HS các bước so sánh hai số:  - Trước hết, ta so sánh các số trăm:  8 = 8 (hay 800 = 800)  - Số trăm bằng nhau, ta so sánh tiếp tới số chục: 9 = 9 hay (90 = 90)  - Số trăm bằng nhau, số chục bằng nhau,ta so sánh tiếp số đơn vị: 9 > 7.  Vậy 899 > 897  - GV nêu một số ví dụ tương tự giúp HS nắm chắc cách so sánh: 753 và 756;649 và 647  d) Các em hãy tìm cách so sánh 2 số 673 và 673  - Yêu cầu HS quan sát từng số, viết số vào bảng trăm, chục, đơn vị.   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | Số | Trăm | Chục | Đơn vị | | 673 | 6 | 7 | 3 | | 673 | 6 | 7 | 3 |   - Hãy so sánh các chữ số cùng hàng của số  - Các số trăm bằng nhau, các số chục bằng nhau, các số đơn vị bằng nhau. Vậy 637 = 637  - Các em hãy nêu thêm một số ví dụ về 2 số có 3 chữ số bằng nhau.  \* Bạn Mai cao 125 cm,bạn Hà cao 121 cm. Em hãy so sánh chiều cao của hai bạn?  - Gọi HS trả lời  - Yêu cầu HS giải thích  - GV chốt: Để so sánh chiều cao của hai bạn,các con dựa vào việc so sánh số đo chiều cao của hai bạn  - Bài học hôm nay,con đã học thêm được điều gì?  - GV yêu cầu HS nêu cách so sánh các cặp số:634 và 728 ;542 và 561;483 và 481;824 và 824  - GV chốt lại cách so sánh 2 số có 3 chữ số. | - HS chơi  - HS quan sát tranh và  trả lời câu hỏi.  - HS ghi vở tên bài.  - HS quan sát, tìm cách so sánh 2 số  - HS viết vào bảng nhóm  - HSTL  - HSTL  - Theo dõi, lắng nghe  - HS TL  - HS thực hiện  - HS viết số vào bảng  - HS nhận xét  - HS viết số vào bảng  - HS nêu cách so sánh  - HS nhận xét bạn  - HS thực hiện  - HS viết số vào bảng  - HS nghe  - HS nêu cách so sánh  - HS khác nhận xét  - HS thực hiện  - HS nêu  - HS nêu  - HS suy nghĩ trả lời  - HS trả lời: bạn Mai cao hơn Hà  - HS nêu  - HS nghe  - HS trả lời  - Mỗi HS nói cách so sánh 1 trường hợp.  - HS nghe |

*\*Rút kinh nghiệm sau giờ dạy (nếu có)*

…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**Tiếng Việt: Tiết 261+ 262**

**ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ II (Tiết 1 + 2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

Sau bài học, học sinh:

- Đánh giá kĩ năng đọc thành tiếng. HS đọc một đoạn hoặc một bài văn có độ dài khoảng 70 tiếng trong các văn bản đã học ở nửa đầu học kì II hoặc văn bản ngoài SGK. Tốc độ 70 tiếng/phút.

- HS đọc thuộc lòng bài thơ Con trâu đen lông mượt (9 dòng thơ đầu). Bờ tre đón khách (10 dòng đầu).

**-** Có kĩ năng đọc thành tiếng, đọc thuộc lòng

- Biết cùng các bạn thảo luận nhóm; hợp tác tìm hiểu bài

- Bồi dưỡng phẩm chất trung thực, chăm chỉ, trách nhiệm.

**II. ĐỒ DÙNG**

- Giáo viên: Kế hoạch bài dạy, máy tính, máy chiếu, SGK,...

- Học sinh: SGK, vở

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU (70P)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **TIẾT 1** | | |
| **1.Khởiđộng**  **2.Thựchành,**  **luyện tập** | \* Giới thiệu bài  - GV giới thiệu bài: Tiết học đầu tiên của bài Ôn tập giữa học kì II chúng ta sẽ Đánh giá kĩ năng đọc thành tiếng. Các em đọc một đoạn hoặc một bài văn có độ dài khoảng 70 tiếng trong các văn bản đã học ở nửa đầu học kì II hoặc văn bản ngoài SGK. Tốc độ 70 tiếng/phút. Đọc thuộc lòng bài thơ Con trâu đen lông mượt (9 dòng thơ đầu). Bờ tre đón khách (10 dòng đầu).  \* Hoạt động 1: Luyện đọc  - GV yêu cầu HS chọn đọc lại các bài đọc đã học, sau đó luyện đọc một đoạn văn, đoạn thơ ngắn hoặc học thuộc lòng một đoạn thơ (bài thơ).  - GV yêu cầu HS luyện đọc cá nhân.  - GV hỗ trợ HS khi cần thiết. | - HS lắng nghe  - HS đọc lại các bài đọc đã học.  - HS luyện đọc cá nhân |
| TIẾT 2 | | |
| **3.Vận dụng** | \* Hoạt động 2: Đọc trước lớp  - GV yêu cầu từng HS bốc thăm để chọn đoạn, bài đọc, đọc thuộc lòng và trả lời câu hỏi đọc hiểu.  - GV nhận xét, đánh giá.  - GV yêu cầu HS đọc thuộc lòng bài thơ Con trâu đen lông mượt (9 dòng thơ đầu). Bờ tre đón khách (10 dòng đầu).  - GV yêu cầu HS về nhà tiếp tục luyện đọc.  - GV nhận xét tiết học khen ngợi, biểu dương những HS học tốt. | - HS bốc thăm, đọc bài và trả lời câu hỏi.  - HS đọc thuộc lòng.  -HS lắng nghe |

*\*Rút kinh nghiệm sau giờ dạy (nếu có)*

…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**Tự nhiên và Xã hội: Tiết 53**

**BÀI 12: BẢO VỆ CƠ QUAN HÔ HẤP (Tiết 2)**

**DẠY HỌC STEM**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

Sau bài học, học sinh:

– Nêu được sự cần thiết và thực hiện được việc hít vào, thở ra đúng cách và tránh xa nơi có khói bụi để bảo vệ cơ quan hô hấp.

– Thực hành đo, vẽ, lắp ghép, tạo hình gắn với một số hình phẳng và hình khối đã học.

– Biết xác định nội dung chủ đề và lựa chọn công cụ, vật liệu để thực hành.

– Biết cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ học tập theo sự hướng dẫn của GV, giữ gìn vệ sinh trong thực hành, sáng tạo.

**II. ĐỒ DÙNG**

- Giáo viên:

– Các phiếu học tập (như ở phụ lục)

– Dụng cụ và vật liệu (dành cho 1 nhóm HS)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Thiết bị/ Học liệu** | **Số lượng** | **Hình ảnh minh hoạ** |
| 1 | Dây chun | Đoạn 20 cm |  |
| 2 | Xốp dán mũ | đoạn 20 cm |  |
| 3 | Giấy bóng kính | 2 tờ |  |
| 4 | Ghim bấm | 1 cái |  |
| 5 | Băng dính | 1 cuộn |  |

-Học sinh:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Thiết bị/Dụng cụ** | **Số lượng** | **Hình ảnh minh hoạ** |
| 1 | Thước kẻ | 1 cái |  |
| 2 | Kéo thủ công | 1 cái |  |
| 3 | Hộp bút (lông) màu | 1 hộp |  |
| 4 | Giấy màu thủ công | 1 túi |  |

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU (35P)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1.Khởi động** | -GV kiểm tra sự chuẩn bị đồ dùng của HS  -GV nhận xét  - GV nêu yêu cầu tiết học | -HS thực hiện  -HS lắng nghe |
| **2.Khám phá** | **Hoạt động 3: Đề xuất ý tưởng và cách làm kính chắn giọt bắn**  -GV chuẩn bị mô hình mẫu chắn giọt bắn HS quan sát.  a) Thảo luận và chia sẻ ý tưởng làm kính chắn giọt bắn theo tiêu chí sau:  + Kính chắn giọt bắn có kích thước phù hợp để che được mặt của bạn nhỏ từ 7 – 9 tuổi.  + Dây đeo có chiều dài phù hợp, gắn chắc chắn vào kính.  + Sản phẩm chắc chắn, trang trí hài hoà. | – HS theo dõi |
| – GV tổ chức cho 1 – 2 nhóm trình bày, chia sẻ ý tưởng trước lớp.  ***Vật liệu sử dụng làm kính chắn giọt bắn***: kính: bằng giấy bóng kính  Dây đeo: đây chun  Vật liệu để dán mũ: xốp | – HS trình bày, chia sẻ ý tưởng trước lớp. |
|  | ***Các bộ phận của kính chắn gió:*** quai, mặt kính, vành  Cách sử dụng kính chắn giọt bắn: đeo khi có dịch bệnh về đường hô hấp |  |
|  | – GV: HS các nhóm khác nhau nhận xét góp ý để hoàn thiện ý tưởng làm sản phẩm. | – HS các nhóm khác nhận xét góp ý |
|  | b) Lựa chọn ý tưởng và đề xuất  – GV mời đại diện 1 – 2 nhóm chia sẻ ý tưởng đề xuất các giải pháp làm kính chắn giọt bắn | – Đại diện nhóm giới thiệu phương án làm kính chắn giọt bắn.  – Chọn vật liệu để làm các bộ phận  – Cách làm kính  Cắt mặt kính theo kích thước khuôn mặt, làm dây đeo, làm vành đệm kính, trang trí hoàn thiện kính. |
| **3.Thựchành** | – GV giao phiếu học tập số 4 và yêu cầu HS hoàn thành.  – GV mời HS trình bày phiếu học tập số 4.  – GV nhận xét tổng kết hoạt động và chuyển sang hoạt động tiếp theo.  **Hoạt động 4: Làm kính chắn giọt bắn** | – HS hoàn thành  – HS trình bày |
|  | a) Lựa chọn dụng cụ và vật liệu  – GV giao dụng cụ và vật liệu phù hợp với phương án nhóm đã chọn  – GV chiếu gợi ý trong sách mục trang 56, 57 để HS tham khảo.  b) Làm kính chắn giọt bắn theo cách của em hoặc nhóm em  – GV theo dõi việc làm của cả lớp và hỗ trợ khi cần. | – HS thảo luận nhóm  – HS lựa chọn dụng cụ và vật liệu phù hợp với phương án của nhóm.  – HS theo dõi  – Các nhóm thực hành làm sản phẩm |
|  | – GV nhắc các nhóm kiểm tra và điều chỉnh sản phẩm theo các tiêu chí. | – HS sau khi hoàn thành sản phẩm kiểm tra và điều chỉnh sản phẩm theo các tiêu chí. |
|  | – GV tổng kết hoạt động và chuyển sang hoạt động tiếp theo. |  |
|  | **Hoạt động 5: Trưng bày và giới thiệu sản phẩm**  – GV tổ chức cho các nhóm trưng bày và giới thiệu sản phẩm của nhóm mình. | – HS trưng bày sản phẩm |
|  | – GV mời các nhóm giới thiệu sản phẩm | – Đại diện nhóm giới thiệu sản phẩm  + Giới thiệu về cách làm: trình bày theo các bước nhóm đã tiến hành.  + Cách sử dụng (HS thực hành cho các bạn quan sát).  + Công dụng: tránh lây nhiễm các bệnh về hô hấp. |
|  | – GV yêu cầu HS tự đánh giá sản phẩm của nhóm mình và nhóm khác bằng cách tô màu vào ô có mặt cảm xúc tương ứng vào những việc đã làm như trang 57. | HS tự đánh giá sản phẩm của nhóm mình và nhóm bạn. |
| **4.Vận dụng** | – GV tổng kết hoạt đọng  – GV nhắc HS chưa hoàn thiện sản phẩm và phiếu học tập hoàn thiện nốt.  – GV yêu cầu HS sử dụng kính chắn giọt bắn khi có dịch bệnh về đường hô hấp.  – GV khen ngợi nhóm HS tốt tham gia hoạt động, động viên các nhóm làm chưa tốt để lần sau cố gắng.  – GV nhận xét và tổng kết buổi học. | -HS lắng nghe  -HS lắng nghe |

*\*Rút kinh nghiệm sau giờ dạy (nếu có)*

…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**Tự nhiên và Xã hội: Tiết 54**

**BÀI 25: TÌM HIỂU CƠ QUAN BÀI TIẾT NƯỚC TIỂU (tiết 1)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

Sau bài học, học sinh:

- Chỉ và nói được tên các bộ phận chính của cơ quan bài tiết nước tiểu trên sơ đồ, hình vẽ.

- Nhận biết được chức năng của cơ quan bài tiết nước tiểu ở mức độ đơn giản ban đầu qua hoạt động thải nước tiểu.

- Kể tên được một số bệnh liên quan đến cơ quan bài tiết nước tiểu.

- Dự đoán được điều gì sẽ xảy ra với cơ thể mỗi người khi cơ quan bài tiết nước tiểu không hoạt động.

- Đưa ra được ví dụ cho thấy sự cần thiết của cơ quan bài tiết nước tiểu.

**II. ĐỒ DÙNG**

**-** Giáo viên: Laptop; màn hình máy chiếu; clip, slide minh họa, ...

- Học sinh: SHS, vở ô li, VBT

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU( 35P)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1.Khởi động**  **2.Khám phá**  **Tìm hiểu về cơ quan bài tiết nước tiểu.**  **Tìm hiểu chức năng của thận và đường đi của nước tiểu**  **3.Vận dụng** | - GV tổ chức hát và thực hiện các động tác theo lời bài hát “Em tập thể dục”  - GV ghi tên bài lên bảng  + Yêu cầu HS quan sát hình, 1 TLN chỉ và nói tên các bộ phận của cơ quan bài tiết nước tiểu.  + Mời các nhóm lên trình bày.  + Các nhóm nhận xét, bổ sung.  - GV nhận xét và mô tả thêm về các bộ phận chính của cơ quan bài tiết nước tiểu: thận – có 2 quả thận ( thận trái và thận phải ), hình dạng giống hạt đậu. ống dẫn nước tiểu – đường ống dài nối từ 2 quả thận xuống bóng đái.  + HS đọc YC 2.  + Mời HS đọc đoạn hội thoại.  + Cho HS đóng vai thể hiện đoạn hội thoại.  ? Thận có vai trò gì?  ? Nước tiểu được thải ra ngoài như thế nào?  GVKL: thận có chức năng lọc máu, loại bỏ các chất thải độc hại, tạo thành nước tiểu. Nước tiểu từ thận theo ống dẫn nước tiểu xuống bóng đái và thải ra ngoài qua bóng đái.  + Hôm nay các con được học bài gì?  + GV nhận xét tiết học  -dặn học sinh chuẩn bị bài hôm sau. | - HS hát và thực hiện động tác.  - 2 HS đọc  - HS ghi tên bài vào vở  + HS thảo luận  + HS chia sẻ trước lớp  + HS nghe  + HS đọc  + HS đọc  + HS đóng vai  + HSTL  + HSTL  + HS nghe  + HSTL  + HS nghe |

*\*Rút kinh nghiệm sau giờ dạy (nếu có)*

…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**Toán (ôn)**

**ÔN TẬP TUẦN 26**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

Sau bài học, học sinh:

- Đọc, viết, sắp xếp thú tự được các số trong phạm vi 1 000.

- Thực hiện được việc viết số có ba chữ số thành tổng của tram, chục, đơn vị.

- Góp phần phát triển phẩm chất chăm chỉ, trung thực và trách nhiệm trong học tập.

- Yêu thích học Toán, bồi dưỡng kỹ năng giao tiếp toán học và tư duy lập luận toán học

**II. ĐỒ DÙNG**

**-** Giáo viên: Kế koạch bài giảng, bài giảng powerpoint, bảng phụ.

- Học sinh:Vở ô ly,VBT phát triển năng lực, vở nháp, …

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC CHỦ YẾU(35P)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1.Khởi động** | - Tổ chức cho HS chơi trò chơi: “ Đố bạn”  Mời 1 HS lên làm quản trò…..  - Giới thiệu vào bài. (nêu mục tiêu bài học) | - HS tham gia chơi  - HS thực hiện, lắng nghe |
| **2.Luyệntập,**  **thực hành** | **Bài 5 (37):**  - Cho HS đọc yêu cầu  - Cho HS làm vào vở PTNL Toán theo cặp đôi.  - Chữa bài  - Nhận xét, đọc tia số  **Bài 6 (37)**  **-** Gọi HS đọc yêu cầu  - HD mẫu: Số 315 gồm mấy trăm? Mấy chục? Mấy đơn vị?  - Cho HS làm bài vào Vở PTNL, bảng phụ  - Chữa bài, nhận xét  **Bài 7 (37):**  - Gọi HS đọc yêu cầu  - Cho HS làm bài vào vở PTNL  - Chữa bài, nhận xét.  **Bài 8 (38 )**  - Gọi HS đọc yêu cầu  - YC HS làm bài vào vở bài tập, 1 HS làm bảng phụ.  - Gắn bảng phụ, chữa bài  - Vì sao em lại nối số 668 với cái kẹo có phép tính 600 + 60 + 8?  - Nhận xét | - Đọc và xác định yêu cầu bài.  - HS làm bài  - Đổi vở chữa bài cho nhau.  - HS nêu  -Thực hiện  -Lắng nghe  - HS nêu  - Thực hiện  - HS nêu  -HS nêu  - Lắng nghe |
| **3. Vận dụng** | - Yêu cầu HS viết 5 số có ba chữ số  - Từ các cố đó viết thành tổng các trăm, chục, đơn vị  - Nhận xét, tuyên dương | - HS viết  -HS thực hiện |
|  | - Bài học hôm nay em học điều gì?  - Để làm tốt bài tập em muốn nhắn bạn điều gì?  - Nhận xét tiết học.  -Dặn HS ôn lại bài. | - HS trả lời.  - HS lắng nghe. |

*\*Rút kinh nghiệm sau giờ dạy (nếu có)*

…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**Ngày soạn: 23/ 3/ 2025**

**Ngày giảng: Thứ Ba ngày 25 tháng 3 năm 2025**

**Toán: Tiết 132**

**SO SÁNH CÁC SỐ CÓ BA CHỮ SỐ (Tiết 2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

Sau bài học, học sinh:

- Nhận biết cách so sánh các số có ba chữ số dựa vào cách so sánh các chữ số cùng hàng của hai số,bắt đầu từ hàng trăm.

-Thực hành vận dụng so sánh số trong tình huống thực tiễn.

- Thông qua việc so sánh các số, Hs có cơ hội được phát triển năng lực tư duy, lập luận toán học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp toán học.

- Chăm chỉ, trách nhiệm, nhân ái, có tinh thần hợp tác trong khi làm việc nhóm.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**-**Giáo viên: Sách giáo khoa, máy tính, máy chiếu,...

- Học sinh: Sách giáo khoa, vở bài tập, đồ dùng học tập.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU (35P)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1.Khởi động**    **2.Thựchành,**  **luyện tập**  **3.Vận dụng** | \* Ôn tập và khởi động  - GV tổ chức cho HS chơi trò chơi “Đố bạn”:ôn lại cách so sánh số có 3 chữ số  - Gv nhận xét kết hợp giới thiệu bài  - GV ghi bảng tên bài  Bài 1: Điền dấu >,<,=  - GV nêu BT1.  - Yêu cầu hs làm bài vào vở  - Gọi hs chữa miệng  - Hãy nêu cách so sánh 2 số 572 và 577  - Hãy nêu cách so sánh 2 số 486và 468  - GV chốt lại cách so sánh trong từng trường hợp.  Bài 2  - GV yêu cầu HS nêu đề bài  - Yêu cầu HS so sánh số học sinh cả 3 trường  - Gọi HS trình bày cách so sánh  \*GV chốt lại để so sánh số HS của 3 trường tiểu học,chúng ta phải so sánh các số581,496,605.  Ta so sánh các chữ số hàng trăm của 3 số.Số nào có hàng trăm lớn hơn thì lớn hơn  Bài 3:  - GV yêu cầu HS nêu đề bài  - GV yêu cầu HS chơi theo cặp:  + Đặt các thẻ số từ 0 đến 9 không theo thứ tự trên mặt bàn  + Mỗi bạn nhanh tay rút 3 thẻ số, xếp 3 thẻ số đó lập thành một số có ba chữ số, rồi so sánh số đó vứi bạn .Ghi lại kết quả vào nháp.  + Trò chơi được thực hiện nhiều lần, ai có nhiều lần có số lớn hơn thì thắng cuộc.  - Khen HS thắng cuộc  \*Bài học hôm nay, con đã học thêm được điều gì?  - GV yêu cầu HS nêu cách so sánh các cặp số:634 và 728 ;542 và 561;483 và 481;824 và 824  - GV chốt lại cách so sánh 2 số có 3 chữ số. | - HS chơi trò chơi  - HS ghi vở  - HS làm  - HS chữa bài.HS khác nhận xét  - HS trả lời:  + Hai số có hàng trăm cùng là 5  + Hàng chục cùng là 7  + Hàng đơn vị:2 < 7  + Vậy 572 < 577  - HS trả lời  + Hai số có hàng trăm cùng là 4  + Hàng chục :8 > 6  + Vậy 486 > 468  - HS nghe  - HS nêu y/c  + So sánh 3 số 581,496,605  + Hàng trăm:6 > 5; 5 > 4 nên 605 > 581; 581 > 496  + Trường Quyết Thắng có nhiều học sinh nhất  + Trường Thành Công có ít học sinh nhất  - HS nghe  - HS nêu đề bài  - HS chơi  - HS trả lời  - HS nêu cách so sánh  - HS khác nhận xét bạn  - HS nghe |

*\*Rút kinh nghiệm sau giờ dạy (nếu có)*

…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

# **Tiếng Việt: Tiết 263**

# **ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ II (tiết 3)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

Sau bài học, học sinh:

- Tiếp tục đánh giá kĩ năng đọc thành tiếng, học thuộc lòng.

- Đọc hiểu bài Con vỏi con voi. Hiểu nghĩa của các từ ngữ. Hiểu nội dung bài:

Nói về con voi trong công viên, sự liên quan của những bộ phận trên cơ thể con voi với điều kiện sống của nó. Bài thơ thể hiện tình cảm yêu quý của con voi – con vật to lớn của rừng xanh.

- Luyện tập nói 3 - 4 câu tả con voi dựa vào bài thơ. Biết cùng các bạn thảo luận nhóm; hợp tác tìm hiểu bài.

-Bồi dưỡng phẩm chất trung thực, chăm chỉ, trách nhiệm.

**II. ĐỒ DÙNG**

**-** Giáo viên: SGK, bảng phụ.

- Học sinh:SGK, vở, đồ dùng học tập,…

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU (35P)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1.Khởi động**  **2.Thựchành**  **3.Vận dụng** | - GV giới thiệu bài học: Tiết ôn tập ngày hôm nay chúng ta sẽ cùng:Tiếp tục đánh giá kĩ năng đọc thành tiếng, học thuộc lòng; Đọc hiểu bài Con vỏi con voi; Luyện tập nói 3-4 câu tả con voi dựa vào bài thơ. Chúng ta cùng vào tiết ôn tập.  - Đánh giá kĩ năng đọc thành tiếng, học thuộc lòng của khoảng 15% số HS trong lớp  - GV đọc mẫu bài thơ Con vỏi con voi: giọng đọc vui, gây ấn tượng với những từ ngữ gợi tả, gợi cảm: hiểu hết, xúm xít, bẻ “rắc ”, đi như chơi, đá sắc, rất dày, cũng nát, quạt bay, buồn một tị, đồ chơi.  - GV yêu cầu 5 HS tiếp nối nhau đọc 5 khổ thơ.  - GV yêu cầu cả lớp đọc lại bài thơ - đọc nhỏ.  - GV yêu cầu 4 HS tiếp nối nhau đọc nội dung luyện tập:  - Đọc các khổ thơ 2, 3, 4 và cho biết:  a. Mỗi khổ thơ nói về những bộ phận nào của con voi?  b. Bộ phận ấy có đặc điểm gì?  c. Theo tác giả, vì sao bộ phận ấy có đặc điểm như vậy?  - Đọc khổ thơ 5 và cho biết:  a. Theo tác giả, vì sao con voi có đuôi?  b. Qua cách giải thích của tác giả, em thấy con voi giống ai?  c. Em có cách giải thích nào khác không?  - Dựa vào bài thơ, nói 3-4 câu tả con voi?  - Nhận xét HS làm bài  - Nhận xét giờ học  - Yêu cầu HS đọc lại các bài đọc | - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS bốc thăm đọc bài.  - HS lắng nghe, đọc thầm theo.  - HS đọc bài; các HS khác lắng nghe đọc thầm theo.  - HS đọc yêu cầu câu hỏi.  - HS trình bày:  • Khổ thơ 2: nói về vòi voi.  • Khổ thơ 3: nói về da voi, chân voi.  • Khổ thơ 4: nói về tai voi, ngà voi.  - Mỗi bộ phận ấy có đặc điểm:  • Vòi voi khoẻ, vướng cành là bẻ “rắc” .  • Da voi rất dày. Chân voi khoẻ, đạp gì cũng nát.  • Tai voi to như cái quạt. Ngà voi dài.  - Theo tác giả, mỗi bộ phận có đặc điểm như vậy vì:  • Vòi voi phải khỏe để giúp voi bé cành lá vướng víu trong rừng, lây lối đi.  • Da voi phải giày, chân đạp gì cũng nát vì rừng lắm gai, lắm đá nhọn.  • Tai voi phải to như cái quạt vì rừng lắm ruồi, muỗi….  a. Theo tác giả, con voi có đuôi vì trong rừng vắng vẻ, đuôi làm đồ chơi của voi, làm cho voi vui.  b. Qua cách giải thích của tác giả, em thấy con voi giống trẻ em cũng cần đồ chơi.  c. Em có cách giải thích khác: cái đuôi của voi giúp voi xua đuổi ruồi muỗi.  - Con voi có cái vòi rất dài. Nó đi trong rừng cây rậm rạp như đi chơi. Vướng cành cây là voi “bẻ rắc”. Da voi dày, dù rừng lắm gai, đá ở suối rất sắc, chân voi đạp gì cũng nát. Tai voi to như cái quạt, quạt bay ruồi muỗi. Ngà voi dài để chống kẻ ác. Đuôi voi là đồ chơi của voi.  - Lắng nghe |

*\*Rút kinh nghiệm sau giờ dạy (nếu có)*

…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

# **Tiếng Việt: Tiết 264**

# **ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ II (tiết 4)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

Sau bài học, học sinh:

- Tiếp tục đánh giá kĩ năng đọc thành tiếng, học thuộc lòng.

- Nghe viết Con vỏi con voi (2 khổ thơ đầu).

-Bồi dưỡng phẩm chất trung thực, chăm chỉ, trách nhiệm.

**II. ĐỒ DÙNG**

- Giáo viên:Máy tính, máy chiếu, bảng phụ.

- Học sinh:SGK, vở, đồ dùng học tập,…

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU (35P)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1.Khởi động**  **2. Thực hành**  **3.Vận dụng** | - GV giới thiệu bài học: Tiết ôn tập ngày hôm nay chúng ta sẽ cùng tiếp tục đánh giá kĩ năng đọc thành tiếng, học thuộc lòng; Nghe viết Con vỏi con voi (2 khổ thơ đầu). Chúng ta cùng vào tiết ôn tập.  \* Đánh giá kĩ năng đọc thành tiếng, học thuộc lòng của khoảng 15% số HS trong lớp  \* Đọc cho HS nghe – viết Con vỏi con voi 2 khổ thơ đầu.  - GV mời 1 HS đọc 2 khổ thơ đầu bài Con vỏi con voi.  - GV hướng dẫn HS nhận xét: Đây là thơ 5 chữ. Tên bài và chữ đầu mỗi câu viết hoa. Tên bài viết lùi vào 4 ô tính từ lề vở. Chữ đầu mỗi dòng thơ cùng lùi vào 1 ô, viết hoa.  - Nhắc HS đọc thầm lại bài, chú ý một số từ khó: xúm xít, vướng cành  - GV yêu cầu HS gấp SGK. GV đọc thong thả từng cụm từ hoặc dòng thơ cho HS viết vào vở Luyện viết.  - GV đọc bài chính tả lần cuối cho HS soát lại.  - GV đánh giá bài cho HS.  - Nhận xét giờ học.  - Nhắc HS luyện viết thêm | - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS bốc thăm đọc bài  - 1 HS đọc, lớp đọc thầm theo.  - HS nhận xét    - HS đọc thầm  - HS viết bài.  - HS soát bài.  - Lắng nghe |

*\*Rút kinh nghiệm sau giờ dạy (nếu có)*

…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**Hoạt động trải nghiệm: Tiết 80**

**HĐGDTCĐ:BÀI 27: CHIA SẺ KHÓ KHĂN VỚI**

**NGƯỜI KHUYẾT TẬT (Tiết 2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

Sau bài học, học sinh:

- HS thể hiện đồng cảm với những khó khăn của người khiếm thị trong cuộc sống hằng ngày và tìm hiểu cách họ vượt qua.

- HS hiểu, lưu ý quan sát để nhận biết và đồng cảm với các dạng khuyết tật khác.

- Giúp HS trải nghiệm cảm nhận của người khiếm thị khi phải làm việc trong bóng tối.

**\* Cung cấp một số hình ảnh về giúp đỡ người có hoàn cảnh khó khăn, phát huy truyền thống của người Việt Nam “ Lá lành đùm lá rách”**

**II. ĐỒ DÙNG**

- Giáo viên: Máy tính, tivi chiếu nội dung bài. Một tấm gương nhỏ; thẻ chữ: THÂN THIỆN, VUI VẺ.

- Học sinh: Sách giáo khoa; đồ dùng học tập

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU (35P)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1.Khởiđộng**  **2.Khámphá**    **3. Mở rộng và tổng kết chủ đề**  **4. Cam kết, hành động:** | - GV mời HS tham gia trải nghiệm làm việc trong bóng tối, GV cho HS thực hiện các hành động sau:  + HS nhắm mắt và lấy sách Toán, vở bài tập Tiếng Việt để lên bàn.  - GV mời HS mở mắt và nhìn kết quả hành động mình vừa làm. GV đặt câu hỏi để HS chia sẻ về cảm giác của mình: Làm việc trong bóng tối có khó không?  - GV dẫn dắt, vào bài.  - Những người khiếm thị thường gặp phải khó khăn gì trong cuộc sống?  − GV đặt câu hỏi để HS chia sẻ hiểu biết của mình về người khiếm thị, người mù:  + Những người nào thường phải làm mọi việc trong bóng tối?  + Theo các em, liệu những giác quan nào có thể giúp họ làm việc trong bóng tối? Cái gì giúp người khiếm thị đi lại không bị vấp ngã? Người khiếm thị nhận biết các loại hoa quả bằng cách nào? Cái gì giúp người khiếm thị đọc được sách?(Dùng tờ lịch đục lỗ chữ a, b, c… để HS trải nghiệm cảm giác “đọc chữ bằng tay”)  - GV vừa kể chuyện vừa trao đổi với HS về thế giới của người khiếm thị. Những người khiếm thị họ không chỉ ngồi yên một chỗ trợ sự giúp đỡ của người khác mặc dù họ sống trong thế giới không có ánh sáng, không có sắc màu. Mắt kém, không nhìn được nhưng họ vẫn sống và làm việc tích cực nhờ các giác quan khác.  - GV hỏi HS về những điều mà HS từng nhìn hay từng nghe kể về những người khiếm thị. Họ có thể hát, đánh đàn, thổi sáo…, có những người khiếm thị vẫn làm việc rất giỏi trong lĩnh vực công nghệ thông tin. Có nhiều người là nghệ nhân đan lát, làm hàng thủ công hay có người chữa bệnh bằng mát xa, bấm huyệt.  - GV mời HS chia sẻ cảm xúc của mình sau khi nghe câu chuyện về những người khiếm thị và khuyến khích HS đưa ra phương án hỗ trợ, giúp đỡ người khiếm thị? Làm sách nói; Gửi tặng chiếc gậy dẫn đường.  Kết luận: Những người khiếm thị, người mù dù gặp nhiều khó khăn nhưng họ vẫn nhìn cuộc sống bằng cách riêng của mình, nhìn bằng âm thanh – nhìn bằng hương thơm – nhìn bằng đôi tay – nhìn bằng hương vị và nhìn bằng cảm nhận.  - **GV cho HS quan sát 1 số video, hình ảnh về những người có hoàn cảnh khó khăn, những người khuyết tật**  -GV hỏi:  +Em đã từng gặp người bị liệt chân, liệt tay, bị ngồi xe lăng chưa? Em đã từng gặp những người không nghe được, không nói được chưa?  + Em đã bao giờ giúp đỡ những người có hoàn cảnh khó khăn chưa? Kể một hoạt động mà em đã giúp đỡ họ.  Kết luận: Nhiều hoàn cảnh không may mắn, không lành lặn như mình – nhưng họ đều rất nỗ lực để sống được và còn cống hiến cho xã hội bằng những việc làm khiêm nhường của mình.  - Hôm nay em học bài gì?  -Về nhà, các em kể lại cho bố mẹ nghe những điều em biết về người khiếm thị. -Cùng bố mẹ tìm hiểu thêm về những người khuyết tật khác ở địa phương. | -HS quan sát, thực hiện theo HD.  -HS thực hiện  - 2-3 HS nêu.  - 2-3 HS trả lời.  - HS lắng nghe.  - 2-3 HS trả lời.  - 2-3 HS trả lời.  - HS lắng nghe  - 2-3 HS trả lời  - HS lắng nghe.  -HS quan sát  - HS trả lời  -HS chia sẻ  -HS lắng nghe  -HSTL  -HS lắng nghe |

*\*Rút kinh nghiệm sau giờ dạy (nếu có)*

…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

**Ngày soạn: 24/ 3/ 2025**

**Ngày giảng: Thứ Tư ngày 26 tháng 3 năm 2025**

**Toán: Tiết 133**

**LUYỆN TẬP (Tiết 1- Tr. 54)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

Sau bài học, học sinh:

- Nắm được cách so sánh số có 2 chữ số với số có 3 chữ số và số có 3 chữ số với số có 3 chữ số.

- Thực hành vận dụng so sánh các số trong tình huống thực tế .

- Chăm chỉ, trách nhiệm, nhân ái, có tinh thần hợp tác trong khi làm việc nhóm.

**II. ĐỒ DÙNG**

- Giáo viên: Laptop; màn hình máy chiếu; clip, slide minh họa, ...

- Học sinh: SHS, vở ô li, VBT, nháp, ...

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC CHỦ YẾU( 35P)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1.Khởi động**  **2.Thựchành**  **luyện tập**  **Bài 1**  **Bài 2:**  **Bài 3:**  **3. Vận dụng** | - GV tổ chức cho HS chơi trò chơi “Đố bạn”: HS đọc hai số có 3 chữ số bất kì rồi đố bạn so sánh 2 số.  - GV nhận xét,chuyển vào bài mới  - GV ghi bài  - Gọi Hs đọc yêu cầu  - Yêu cầu 3 HS điền số vào bảng trăm, chục, đơn vị  a)   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | |  | Trăm | Chục | Đơn vị | | 758 | 7 | 5 | 8 | | 96 |  | 9 | 6 |   - Yêu cầu HS suy nghĩ,tự so sánh hai số và viết kết quả vào vở BT  - Yêu cầu HS đổi vở với bạn cùng bàn, kiểm tra và chia sẻ cách làm với bạn.  - Gọi HS đọc cách so sánh.  - GV yêu cầu HS giải thích cách so sánh.  - Khi so sánh hai số, số nào có nhiều chữ số hơn thì thế nào?  - GV chốt:khi so sánh hai số ,số nào có nhiều chữ số hơn thì lớn hơn và ngược lại.  b)   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | |  | Trăm | Chục | Đơn vị | | 62 |  | 6 | 2 | | 107 | 1 | 0 | 7 |   - Ý c tương tự  - GV nêu thêm một số ví dụ để HS so sánh: 806 và 89; 492 và 77; 52 và 103; 9 và 432.  - Gv yêu cầu hs nêu đề bài  - Yêu cầu hs làm bài vào vở  - Chiếu bài và chữa bài của hs  - Nêu cách so sánh 600 và 900  - Vì sao 527>27  - Nêu cách so sánh 402 và 420  - GV chốt:  - GV yêu cầu HS nêu đề bài  - Yêu cầu HS lấy các thẻ số 994, 571, 383, 997. Đố bạn chọn ra thẻ ghi số lớn nhất ,số bé nhất rồi sắp xếp các thẻ số trên theo thứ tự từ lớn đến bé.  - Số lớn nhất là số nảo?  - Vì sao em biết?  - Số bé nhất là số nào?  - Cho hai đội lên thi gắn số theo thứ tự từ lớn đến bé  - GV nhận xét, khen đội thắng cuộc  -GV chốt:. Khi so sánh số, so sánh các chữ số cùng hàng của 2 số,bắt đầu từ hàng trăm. Nếu chữ sốhàng trăm giống nhau ta so sánh tiếp tới chữ số hàng chục. Nếu chữ số hàng chục giống nhau ta so sánh tiếp tới chữ số hàng đơn vị.  - Bài học hôm nay, em đã học thêm được điều gì?  - HS tìm 2 số bất kì số có 3 chữ số và nêu cách so sánh  - Để có thể so sánh chính xác 2 số em cần làm gì?  - Nhận xét tiết học | - HS chơi  - HS ghi vở  - HS đọc  - HS viết vào bảng  758 > 96  - HS làm bài vào vở  - HS thực hiện  - HS đọc  - HS nêu  - HS quan sát và trả lời câu hỏi  - HS nghe  62 < 107  - Mỗi HS nói cách so sánh 1 trường hợp  - HS khác nhận xét  - HS nêu  - HS làm bài  - HS giải thích cách so sánh  - HS nghe  - HS nêu  - HS thực hiện  - HS trả lời (997)  - Số 383  - Hai đội lên gắn  - HS khác nhận xét  -HSTL  - HS nghe  - HS nêu  -HS tìm và nêu cách so sánh  -HSTL |

*\*Rút kinh nghiệm sau giờ dạy (nếu có)*

…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

**Tiếng Việt: Tiết 267 :**

# **ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ II (tiết 7)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Đánh giá kĩ năng đọc thành tiếng, học thuộc lòng của HS.

- Nghe thầy cô kể về mẩu chuyện Bác sóc đãng trí, dựa vào tranh minh họa và các câu hỏi gợi ý, kể lại mẩu chuyện to, rõ ràng, sinh động, kết hợp lời kể với cử chỉ, động tác. Hiểu nội dung khôi hài và lời khuyên của câu chuyện: Cần sắp xếp đồ đạc ngăn nắp để khỏi quên.

- Luyện tập về dấu chấm.

-Bồi dưỡng phẩm chất trung thực, chăm chỉ, trách nhiệm.

**II. Đồ dùng dạy học**

**1. Giáo viên:** Máy tính, máy chiếu, bảng phụ.

**2. Học sinh:** SGK, vở, đồ dùng học tập,…

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU** (35’)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **NỘI DUNG** | **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| 1. Khởi động  2. Thực hành | - GV giới thiệu bài học: Trong tiết ôn tập giữa học kì II ngày hôm nay, thầy cô sẽ tiếp tục: Đánh giá kĩ năng đọc thành tiếng, học thuộc lòng của các em; nghe kể về mẩu chuyện Bác sóc đãng trí, dựa vào tranh minh họa và các câu hỏi gợi ý; luyện tập về dấu chấm. Chúng ta cùng vào tiết ôn tập.  \* Đánh giá kĩ năng đọc thành tiếng như tiết 1, 2  \* Giới thiệu mẩu chuyện:  - GV yêu cầu HS quan sát tranh minh họa truyện Bác sóc đãng trí và nói về bức tranh.  - GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài tập 1 và các câu hổi gợi ý: Nghe, kể lại mẩu chuyện sau:  - GV kể câu chuyện Bác sóc đãng trí cho  HS nghe, giọng đọc vui vẻ, nhẹ nhàng.  GV kể câu chuyện trong 3 lần:  + Kể lần 1 – liền mạch  + Kể lần 2 – kết hợp cho HS đọc lại 4 câu hỏi gợi ý.  + Kể lần 3 - một mạch.  \* GV Hướng dẫn HS trả lời câu hỏi:  - GV nêu từng câu hỏi cho HS trả lời:  - GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi: Nếu em là hàng xóm bác sóc, em sẽ khuyên bác điều gì?  - HS kể chuyện trong nhóm  - GV yêu cầu từng cặp HS dựa vào tranh minh hoạ và 4 CH gợi ý, kể lại mẩu chuyện trên.  - GV giúp đỡ các nhóm kể chuyện.  \* HS thi kể chuyện trước lớp:  - GV yêu cầu HS tiếp nối nhau thi kể lại mẩu chuyện trên. GV khuyến khích HS kể to, rõ, biểu cảm, kết hợp lời kể với cử chỉ động tác. HS giỏi vừa kể vừa diễn để bài tập nghe - kể này như một tiết mục văn nghệ tham gia trong ngay hội, ngày lễ của lớp, của trường.  - GV yêu cầu cả lớp bình chọn bạn kể chuyện vui, hấp dẫn nhất (làm rõ tính gây cười của câu chuyện).  - GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài tập 2  - GV yêu cầu HS làm bài vào Vở bài tập, 1 HS làm bài trên phiếu khổ to hoặc bảng phụ.  - GV mời một số HS trình bày kết quả.  - GV nhận xét, đánh giá.  -Hôm nay các em biết thêm được điều gì?  - Hoàn thiện bài tập và chuẩn bị bài giờ sau. | - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS bốc thăm đọc bài  - HS quan sát tranh minh họa và nói về nội dung tranh: Bác sóc đang suy nghĩ với một câu hỏi to trên đầu. Bay xung quanh bác là quả sồi, sổ, giỏ quả sồi.  - HS đọc yêu cầu câu hỏi.  - HS nghe kể chuyện, kết hợp quan sát tranh minh họa và các câu hỏi gợi ý.  - HS trả lời:  - HS trả lời: Em sẽ nói lời khuyên bác: Nếu bác hay quên như thế thì tất cả thức ăn kiếm được, bác chỉ nên đê một chỗ dưới gầm giường./Nêu bác hay quên như thế thì đành để thức ăn ngay trên bàn ăn./Bác hãy để quyển sổ ngay trên mặt bàn. /Bác hãy để quyển sổ ngay trên đầu giường. /....  - HS luyện tập kể chuyện theo tranh và câu hỏi gợi ý.  - HS kể lại mẩu chuyện.  - HS thực hiện  - HS đọc yêu cầu câu hỏi.  - Lớp làm bài  - HS trình bày: Con mèo rơi từ gác trên đến đâu cũng đặt được cả 4 chân xuống trước. Con chó chỉ đánh hơi của biết người lạ, người quen. Chim bồ câu dù thả xa nhà hàng chục ngày đường vẫn bay được về đúng cái tổ có hai lỗ cửa tròn treo lưng cau nhà mình.  - Lắng nghe  - HS trả lời |

*\*Rút kinh nghiệm sau giờ dạy (nếu có)*

…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**Toán (ôn)**

**LUYỆN TẬP: CÁC SỐ CÓ BA CHỮ SỐ**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Củng cố cho HS phân tích số có ba chữ số thành các trăm, chục, đơn vị (345 gồm 3 trăm, 4 chục, 5 đơn vị)

- Thực hành vận dụng trong giải quyết các tình huống thực tế

- Phát triển phẩm chất chăm chỉ, đồng thời giáo dục HS tình yêu với Toán học, tích cực, hăng hái tham gia các nhiệm vụ học tập.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên:** Giáo án, bảng phụ, ...

**2. Học sinh:** Vở, nháp,...

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU (35’)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **NỘI DUNG** | **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| 1. Khởi động  2. Thực hành  Bài 1: Số?  Bài 2: Thực hiện (theo mẫu)  Bài 3: Viết (theo mẫu)  3. Vận dụng  Bài 4: Chọn chữ từ đáp án đúng | - GV kết hợp với Ban học tập tổ chức trò chơi TBHT điều hành trò chơi Đố bạn  + Nội dung chơi: TBHT yêu cầu các bạn lấy bảng con. Sau đó, TBHT đọc một số và các bạn viết số đó vào bảng con.  - Giáo viên nhận xét chung, tuyên dương học sinh.  - Giới thiệu bài, ghi tên bài.  - GV giao nhiệm vụ  - YC: HS tự thực hành bài tập  - TBHT điều hành chia sẻ  - Yêu cầu 2 em lên bảng chia sẻ kết quả  - Cho HS nhận xét bài làm  - GV nhận xét chung  - Gọi HS đọc đề toán  - YC: HS tự thực hành bài tập  - Yêu cầu hs lên bảng chia sẻ kết quả  - Tổ chức cho HS nhận xét bài làm  - GV nhận xét chung  - GV giao nhiệm vụ  - YC: HS tự thực hành bài tập  - TBHT điều hành chia sẻ  - Yêu cầu một vài nhóm lên bảng chia sẻ kết quả  - Số 232 gồm mấy trăm, mấy chục, mấy đơn vị?  - Số 540 gồm mấy trăm, mấy chục, mấy đơn vị?  - Số 709 gồm mấy trăm, mấy chục, mấy đơn vị?  - Tổ chức cho HS nhận xét bài làm  - GV nhận xét chung  - Gọi HS đọc đề toán  Gia đình nhà Nam nuôi 2 trăm con gà, 4 chục con ngan, 8 con bò.  - Cho HS thảo luận cặp đôi suy nghĩ bài làm  + Bài toán cho biết gì?  + Bài toán hỏi gì?  + Vậy muốn biết hộ gia đình đó nuôi được tất cả số con gà, vịt, ngỗng ta làm thế nào?  - Chia sẻ trước lớp: cách làm và câu trả lời  - GV đánh giá phần chia sẻ của HS  - Bài học hôm nay, em đã học thêm được điều gì? Những điều đó giúp ích gì cho em trong cuộc sống hằng ngày?  - Từ ngữ toán học nào em cần nhớ.  - GV nhấn mạnh kiến thức tiết học  - GV đánh giá, động viên, khích lệ HS. | - HS chủ động tham gia chơi.  - Lắng nghe.  - HS nhận nhiệm vụ  - HS tự tìm hiểu yêu cầu của bài và làm bài   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | |  | Trăm | Chục | Đơn vị | | 258 | 2 | 5 | 8 | | 640 | 6 | 4 | 0 |   - HS chia sẻ  - HS nhận xét  - HS lắng nghe  - HS đọc đề  - Làm bài vào vở   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | |  | Trăm | Chục | Đơn vị | | 395 | 3 | 9 | 5 | | 607 | 6 | 0 | 7 | | 784 | 7 | 8 | 4 |   - HS chia sẻ  - HS nhận xét  - HS lắng nghe  - HS nhận nhiệm vụ  - HS tự tìm hiểu yêu cầu của bài và làm bài  - HS làm bài  - HS chia sẻ  - 232 gồm 2 trăm, 3 chục, 2 đơn vị  - 540 gồm 5 trăm, 4 chục, 0 đơn vị  - 709 gồm 7 trăm, 0 chục, 9 đơn vị  - HS nhận xét  - HS lắng nghe  - HS đọc đề suy nghĩ bài làm  - Thảo luận cặp đôi theo dự kiến nội dung câu hỏi  + Một hộ gia đình nuôi 3 trăm con gà, 9 chục con vịt và 8 con ngỗng.  + Hộ gia đình đó nuôi được tất cả bao nhiêu con gà, vịt, ngỗng?  - Trao đổi, đưa câu trả lời: 3 trăm, 9 chục, 8 đơn vị. Vậy có 398 con. Chọn đáp án B.  - Báo cáo kết quả trước lớp  - HS nhận xét  - HS nêu ý kiến  - HS lắng nghe  - HS lắng nghe |

*\*Rút kinh nghiệm sau giờ dạy (nếu có)*

…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

**Tiếng Việt (ôn)**

**ÔN TẬP TUẦN 26 (Tiết 2)**

**I.YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

Sau bài học, học sinh:

- Góp phần hình thành và phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác, tự chủ và tự học, giải quyết vấn đề và sáng tạo.

- Luyện tập sử dụng từ ngữ chỉ đặc điểm. Đặt câu với từ chỉ đặc điểm **?** Đặt dấu câu vào chỗ chấm thích hợp trong mỗi câu.

- Viết đoạn văn kể về một con vật sống ở trong rừng hoặc trong vườn thú, trình bày đúng hình thức đoạn văn.

- Phát triển phẩm chất chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm trong học tập.

**II. ĐỒ DÙNG**

**-** Giáo viên: Kế hoạch bài dạy, Máy tính, tivi, bài giảng powerpoint.

- Học sinh: Vở ô ly, VBT phát triển năng lực trong môn Tiếng Việt 2, tập một.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC CHỦ YẾU(35P)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1.Khởi động** | - Cho HS lắng nghe và vận động theo bài hát ***“Chú voi con ở Bản Đôn”***  - Giới thiệu bài. | - HS thực hiện  - Lắng nghe |
| **2.Luyệntập,**  **thực hành** | **Bài 4: (39) Luyện tập sử dụng từ và câu**  **a)** - GV yêu cầu HS đọc thầm, làm bài trong VBT.  - BT yêu cầu gì?  - Yêu cầu làm vở  - Đổi vở, chữa bài cho nhau  **b) Nối các câu sau đây với loại câu thích hợp**  - YC HS 2 đọc câu  - GV yêu cầu HS làm bài trong VBT.  - Chữa bài, nhận xét.  **c. Đặt câu theo yêu cầu**  - GV yêu cầu HS làm bài trong VBT  - Chữa bài  - Nhận xét  **Bài 5(40) Viết đoạn văn (4-5 câu) kể về một con vật sống ở trong rừng ( hoặc ở trong vườn thú) mà em biết.**  - Bài tập yêu cầu gì?  - Để viết được đoạn văn em dựa vào đâu?  - Gọi 1 HS đọc gợi ý, lớp đọc thầm  - Hướng dẫn trình bày khi viết đoạn văn: Đầu đoạn văn cách lề 1 ô, viết hoa. Các câu văn viết liền mạch, không xuống dòng tùy tiện cho đến hết đoạn văn.  - GV gợi ý thêm để câu văn của HS hay và sinh động hơn.  - YC HS viết bài, 1 HS viết bảng phụ  - GV chữa bài trên bảng phụ HS trước lớp  - Gọi 1 số HS đọc bài làm của mình  - Nhận xét. | - HS đọc thầm  -HS nêu  -Làm vở  - Lắng nghe  -2HS đọc  + HS làm vở  - Nêu YC bài tập  - HS đọc bài của mình  - Lắng nghe  - Nêu YC BT  - Lắng nghe  - Viết bài VBT  - Lắng nghe  - HS đọc.  - Lắng nghe |
| **3. Vận dụng** | **Bài 6: (40)**  - GV Cho HS tô màu bài vào vở.  - Gọi HS đặt tên bức tranh vừa vẽ  - GV nhận xét. | - HS làm của mình.  - HS nêu |
|  | - Qua bài học hôm nay em biết thêm điều gì?  **\* Dặn dò:**  - GV nhận xét.  - Về nhà các em luyện viết câu, viết đoạn văn và chuẩn bị bài học sau. | - HS trả lời  - HS lắng nghe. |

*\*Rút kinh nghiệm sau giờ dạy (nếu có)*

…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**Ngày soạn: 25/ 3/ 2025**

**Ngày giảng: Thứ Năm ngày 27 tháng 3 năm 2025**

**Đạo đức: Tiết 27**

**BÀI 11: KIỀM CHẾ CẢM XÚC TIÊU CỰC (Tiết 1)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

Sau bài học, học sinh:

-  Phân biệt được cảm xúc tiêu cực và cảm xúc tích cực.

- Nêu được ảnh hưởng của cảm xúc tiêu cực đối với bản thân và người khác xung quanh.

**-** Thông qua hoạt động, HS biết một số việc làm để kiềm chế cảm xúc tiêu cực của bản thân.

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế.

- Nhận ra được một số việc làm kiềm chế cảm xúc tiêu cực của bản thân.

- Thể hiện được việc làm kiềm chế cảm xúc tiêu cực của bản thân.

- Biết được vì sao phải kiềm chế cảm xúc tiêu cực.

- Kiềm chế cảm xúc tiêu cực của bản thân một cách hợp lí và hiệu quả.

**II. ĐỒ DÙNG**

**-** Giáo viên: Máy chiếu, máy tính, SGK, ...

- Học sinh:SGK, VBT đạo đức 2, ...

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC CHỦ YẾU(35P)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1.Khởi động**  **2.Khám phá**  **3. Vận dụng** | GV tổ chức cho HS chơi trò chơi “Đoán cảm xúc”  \* Cách chơi: GV chia lớp thành 2 đội, mỗi đội 5 thành viên. Sau đó GV phát cho mỗi HS một mẩu giấy bên trong có ghi những cảm xúc cần thể hiện, ví dụ như: vui vẻ, giận dữ, lo lắng, sợ hãi, buồn bã… Từng HS sẽ phải diễn tả cảm xúc qua nét mặt tương ứng với cảm xúc ghi trong mẩu giấy mà mình nhận được để cho thành viên đội kia đoán. Đội nào có số lần đoán đúng nhiều hơn sẽ là đội chiến thắng  - Hỏi: Ngoài những cảm xúc quan sát vừa rồi, còn những cảm xúc nào khác mà em biết?  - GV cho HS diễn tả những cảm xúc đó.  - GV đánh giá HS chơi, giới thiệu bài.  1. Đọc thơ và trả lời câu hỏi  - Yêu cầu HS đọc yêu cầu 1  - GV chia lớp thành nhóm đôi, Y/C các nhóm đọc bài thơ “Bạn Bin” và trả lời các câu hỏi:  + Vì sao các bạn xa lánh Bin?  + Mẹ đã khuyên Bin điều gì?  + Việc kiềm chế được cơn nóng giận đã mang lại cho Bin điều gì?  - GV theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.  - Y/C đại diện các nhóm đọc thơ và trả lời câu hỏi theo ý kiến cá nhân.  - GV mời một nhóm HS đọc lại bài thơ.  - GV đọc lại bài thơ cuốn hút, truyền cảm  - GV lần lượt nêu lại các câu hỏi và mời HS trả lời. (GV có thể đặt thêm câu hỏi khai thác các câu trả lời của HS như:  + Em học được gì qua bài thơ trên?  - GV nhận xét hoạt động của HS và kết luận: Nóng giận là một trong những cảm xúc tiêu cực. Vì thế, chúng ta nên kiềm chế cơn nóng giận để không làm ảnh hưởng đến người khác.  - GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới.  2. Chia sẻ về tác hại của cảm xúc tiêu cực  - GV yêu cầu HS làm việc theo nhóm đôi và trả lời câu hỏi:  ? Kể tên những cảm xúc tiêu cực mà em biết?  ? Những cảm xúc tiêu cực đó sẽ ảnh hưởng như thế nào đến sức khỏe của bản thân?  ? Cảm xúc tiêu cực sẽ ảnh hưởng như thế nào đến việc học tập của bản thân?  ? Cảm xúc tiêu cực sẽ ảnh hưởng như thế nào đến tình bạn?  - Một số nhóm trình bày kết quả thảo luận bằng cách vấn đáp (1 bạn hỏi, 1 bạn trả lời)  - GV hỏi thêm: Cảm xúc tiêu cực còn gây ra những tác hại nào khác nữa?  - GV kết luận:  + Cảm xúc tiêu cực gây hại cho sức khỏe bản thân như: mất ngủ, ảnh hưởng đến tiêu hóa, nặng hơn có thể bị trầm cảm.  + Cảm xúc tiêu cực ảnh hưởng không tốt đến việc học tập, làm mất tập trung dẫn đến kết quả học tập sa sút.  + Cảm xúc tiêu cực còn làm ảnh hưởng đến tình bạn: làm tổn thương người khác, bị cô lập, xa lánh…  + Cảm xúc tiêu cực còn làm cho mọi người xung quanh mất vui, làm cho bầu không khí trong gia đình căng thẳng….  - GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới.  3. Thảo luận về cách kiềm chế cảm xúc tiêu cực  - Đọc yêu cầu 3   - GV yêu cầu HS làm việc theo nhóm 4 và trả lời câu hỏi: Quan sát các tranh ở mục 3 trang 58 SGK và cho biết:  ? Chúng ta kiềm chế cảm xúc tiêu cực bằng cách nào?  - Gọi một số nhóm trình bày kết quả thảo luận.  - GV hỏi thêm: Ngoài những cách mà trong SGK đã giới thiệu, em còn biết những cách kiềm chế cảm xúc tiêu cực nào khác?  - GV kết luận: Trong cuộc sống có rất nhiều các tác động khiến cho chúng ta nảy sinh ra những cảm xúc tiêu cực. Dựa vào các tình huống cụ thể mà chúng ta có thể kiềm chế cảm xúc bằng một số cách sau đây: Luôn suy nghĩ tích cực; giữ bình tĩnh; uống một cốc nước lạnh; hít thở sâu; nghe nhạc; tập thể dục thường xuyên; ngồi thiền..  - GV đánh giá, nhận xét HS trong hoạt động  - Cho HS đọc lời khuyên  - GV hỏi:  + Nếu một số việc làm để kiềm chế cảm xúc tiêu cực.  + Kiềm chế cảm xúc tiêu cực mang lại lợi ích gì?  - GV nhận xét, đánh giá tiết học  - Dặn HS chuẩn bị tiết học sau:  Bài 11: Kiềm chế cảm xúc tiêu cực (tiết 2). | - HS tham gia chơi: Quan sát và diễn tả cảm xúc qua nét mặt: lo lắng, sợ hãi, vui vẻ, buồn bã…    - 2, 3 HS kể  - HS thực hiện  - HS lắng nghe  - 1-2 HS đọc.  - HS làm việc nhóm đôi, đọc bài thơ: Bạn Bin:  - Vì bạn Bin tính hay nóng giận với mọi người.  - Mỗi khi nóng giận hãy hít thở thật sâu và đếm số trong đầu thật chậm.  - Giúp Bin thấy vui vẻ và được các bạn yêu quý hơn.  …..  - Đại diện các nhóm trình bày trước lớp.  - HS khác lắng nghe nhận xét  - HS thực hiện  - HS lắng nghe  - HS trả lời  - HS lắng nghe  - HS lắng nghe.  - HS đọc yêu cầu SGK    - Thảo luận nhóm đôi thực hiện yêu cầu.  - 1 -2 HS nêu ý kiến/ câu hỏi:  + Nóng giận, lo lắng, buồn bã…  + Làm ta mất ngủ, ảnh hưởng đến đường tiêu hóa và hệ thần kinh.  + Mất tập trung trong học tập khiến kết quả không tốt.  + Khiến bạn bè không vui và không khí tò chuyện căng thẳng hơn.  - HS thực hiện.  - HS nhận xét, bổ sung.  - 2-3 HS nêu ý kiến.  - HS lắng nghe.  - HS lắng nghe.  - HS đọc yêu cầu  - HS làm việc nhóm thực hiện yêu cầu/  - HS trả lời theo ý hiểu: Nghe nhạc, chơi thể thao, trò chuyện với bạn bè, đọc truyện, viết nhật kí….  - Các nhóm trình bày ý kiến.  - HS nhận xét, bổ sung.  - 2-3 HS trình bày ý kiến cá nhân.  - HS lắng nghe.  - HS lắng nghe.  - Đọc đồng thanh  - HS trả lời  - HS lắng nghe. |

*\*Rút kinh nghiệm sau giờ dạy (nếu có)*

…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**Đạo đức: Tiết 28**

|  |
| --- |
| **BÀI 11: KIỀM CHẾ CẢM XÚC TIÊU CỰC (Tiết 2)** |

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

Sau bài học,học sinh:

- HS nhận diện được cảm xúc tiêu cực; ảnh hưởng của cảm xúc tiêu cực trong từng tình huống và cách kiềm chế cảm xúc tiêu cực đó.

- HS chỉ ra các lợi ích của việc kiềm chế cảm xúc tiêu cực.

**­**-HS nêu được các cách kiềm chế cảm xúc tiêu cực trong các tình huống cụ thể.

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế.

- Nhận ra được một số biểu hiện của cảm xúc tiêu cực.

- Thực hiện được cách kiềm chế cảm xúc tiêu cực của bản thân.

- Biết được ý nghĩa của việc kiềm chế cảm xúc tiêu cực.

- Kiềm chế cảm xúc tiêu cực của bản thân một cách hợp lí và hiệu quả.

**II. Đồ dùng**

**-** Giáo viên: Máy chiếu, máy tính, các tấm thẻ cảm xúc, đạo cụ để đóng vai

- Học sinh:SGK, VBT đạo đức 2.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC CHỦ YẾU (35P)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1.Khởi động**    **2.Thựchành,**  **luyện tập**  **3. Vận dụng** | - GV tổ chức cho HS chơi trò chơi “Ai nhanh, ai đúng”  \* Cách chơi: GV mời 2 HS chơi trò chơi. GV tổ chức cho HS chọn và sắp xếp các tấm thẻ thể hiện khuôn mặt cảm xúc vào nhóm thích hợp sau đây:   |  |  | | --- | --- | | Cảm xúc tích cực | Cảm xúc tiêu cực |   Bạn nào nhanh và sắp xếp đúng sẽ là người thắng cuộc.  - GV cho HS nêu các cảm xúc tiêu cực mà các em quan sát được.  - Hỏi: Những cảm xúc tiêu cực ảnh hưởng đến chúng ta như thế nào?  - GV đánh giá HS chơi, giới thiệu bài: Ở tiết học trước chúng mình đã hiểu được những ảnh hưởng của cảm xúc tiêu cực đối với bản thân…  Hoạt động 1: Đọc tình huống và trả lời câu hỏi:  - Yêu cầu HS đọc các tình huống ở mục 1 (trang 58, 59) và trả lời câu hỏi (có thể cho HS đóng vai lại tình huống):  a. Bạn trong mỗi tình huống có cảm xúc gì?  b. Cảm xúc đó ảnh hưởng như thế nào đến bản thân và người xung quanh?  c. Em sẽ khuyên bạn kiềm chế cảm xúc đó như thế nào?  - GV theo dõi, quan sát và hỗ trợ HS nếu cần thiết.  - Gọi đại diện một số HS trình bày về mỗi tình huống.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung  - GV tổng kết và kết luận:  + Tình huống 1: Bạn Long đã nóng giận. Cảm xúc đó đã làm tổn thương Tiến, làm cho các bạn mất vui. Long nên kiềm chế cơn giận bằng cách giữ bình tĩnh, hít thở sâu hoặc giữ chặt ngón tay, không nên to tiền với bạn.  + Tình huống 2: Bạn Hoa đã giận dỗi. Cảm xúc đó khiến các bạn chơi cùng mất vui. Hoa nên kiềm chế cảm xúc của mình bằng cách giữ bình tĩnh, chờ đến lượt mình, không nên giận dỗi vô cớ.  + Tình huống 3: Vân đã rất tức giận. Cảm xúc đó khiến anh của Vân không vui. Vân có thể kiềm chế cảm xúc đó bằng cách giữ bình tĩnh, uống một cốc nước lạnh, hít thở sâu để kiềm chế cơn tức giận của mình.  - GV nhận xét HS tham gia hoạt động.  Hoạt động 2: Liên hệ  - Gọi HS đọc yêu cầu  - Yêu cầu HS chia sẻ về một tình huống bản thân đã có cảm xúc tiêu cực và cho biết:  - GV hỏi:  + Khi đó em đã thể hiện cảm xúc như thế nào?  + Nếu gặp lại tình huống tương tự, em sẽ kiềm chế cảm xúc tiêu cực như thế nào?  - Một số HS chia sẻ những tình huống cá nhân đã có cảm xúc tiêu cực  - GV nhận xét các tình huống của HS và nhắc nhở: Chúng ta thấy cảm xúc tiêu cực ảnh hưởng rất nhiều tới chúng ta. Khi gặp phải những tình huống khiến chúng ta có cảm xúc tiêu cực thì chúng ta nên kiềm chế cảm xúc tiêu cực để không ảnh hưởng đến sức khỏe, học tập của bản thân và các mối quan hệ xung quanh.  Hoạt động 1: Thư giãn cơ thể  - GV bật nhạc thư giãn và yêu cầu HS ngồi ngay ngắn, nhắm mắt, thả lỏng cơ thể, đầu óc thư giãn.  Hoạt động 2: Tạo góc ghi nhớ.  - HS đọc yêu cầu 2  - GV cho HS quan sát một số mẫu sổ nhật kí và nêu ý nghĩa của việc viết sổ nhật kí.  - GV yêu cầu HS về nhà viết nhật kí, viết lại những cảm xúc tiêu cực mà em đã trải qua và cách kiềm chế những cảm xúc tiêu cực đó.  - GV hỏi: Em học được gì qua bài học này?  - GV tóm tắt nội dung chính của bài học.  - GV yêu cầu HS đọc lời khuyên  - GV nhận xét, đánh giá tiết học | - HS tham gia chơi.  - 2, 3 HS nêu  - HS trả lời:  + Cảm xúc tiêu cực gây hại cho sức khoẻ của bản thân như: mất ngủ, ảnh hưởng đến tiêu hoá, nặng hơn có thể bị trầm cảm.  + Cảm xúc tiêu cực ảnh hưởng không tốt đến việc học tập, làm mất tập trung, dẫn đến kết quả học tập bị sa sút.  + Cảm xúc còn ảnh hưởng đến tình bạn như: làm tổn thương người khác, bị cô lập, xa lánh,…  + Cảm xúc tiêu cực còn làm cho mọi người xung quanh mất vui, làm cho bầu không khí trong gia đình căng thẳng,…  - HS lắng nghe  - HS nhắc lại đầu bài và ghi bài.  - HS thảo luận nhóm 4 và trả lời câu hỏi của GV đưa ra.  - Đại diện một số HS trình bày về mỗi tình huống.  - Nhóm khác lắng nghe, bổ sung, góp ý  - HS lắng nghe  - 1, 2 HS đọc yêu cầu  - HS thực hiện  - HS chia sẻ  - HS lắng nghe  - HS thực hiện.  - 1, 2 HS đọc yêu cầu  - HS quan sát và ghi nhớ nhiệm vụ.  - 2, 3 HS nêu  - HS lắng nghe  - 2 HS đọc, lớp đọc thầm |

*\*Rút kinh nghiệm sau giờ dạy (nếu có)*

…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**Toán : Tiết 134:**

**LUYỆN TẬP (tiết 2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Rèn luyện và củng cố kĩ năng cộng/ trừ không nhớ trong phạm vi 1000.

- Phân tích cấu tạo số có 3 chữ số, viết số có 3 chữ số thành tổng hàng trăm, chục và đơn vị.

- Đặt tính và tính các phép tính cộng/ trừ không nhớ trong phạm vi 1000.

- Rèn và phát triển kĩ năng tính nhẩm các số tròn trăm.

- Thông qua việc quan sát, HS phát triển năng lực phân tích và tổng hợp, khái quát hoá để tìm ra cách viết cấu tạo số có 3 chữ số thành tổng.

- Thông qua hoạt động luyện tập cá nhân, nhóm, HS có cơ hội được phát triển năng lực giải quyết vấn đề toán học.

- Rèn tính chất cẩn thận, nhanh nhẹn trong học tập và trong cuộc sống.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên:**

- Máy tính, máy chiếu, bảng phụ…

**2. Học sinh**

- SGK, vở, đồ dùng học tập,…

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC** (35’)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **NỘI DUNG** | **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| 1. Khởi động  2. Thực hành - Luyện tập  Bài 4  Bài 5  3. Vận dụng  Bài 6 | - GV cho HS chơi trò chơi “Ai nhanh hơn”  - Luật chơi: Trên bảng có 5-6 số có 3 chữ số, 1 HS dưới lớp đọc hoặc nêu cấu tạo số, 2 HS thi xem ai chỉ đúng và nhanh hơn. HS thắng thì được thưởng tràng pháo tay.  - GV cho HS chơi  - GV đánh giá HS chơi  - GV dẫn dắt, giới thiệu bài mới  - GV chiếu bài trên màn hình  - GV cho HS đọc YC bài, xác định YC bài  - GV cùng HS làm mẫu 3 số như trong sách.  - GV cho HS thảo luận nhóm 2 để hoàn thành các phần a, b, c, d.  - Cho đại diện các nhóm nêu cấu tạo, cách viết từng số.  - Cho HS nhận xét  - Các số ở bài tập 4 có điểm gì giống nhau?  - Bài tập 4 củng cố kiến thức gì?  - GV nhấn mạnh kiến thức bài 4.  - GV chiếu bài, cho HS đọc và xác định YC bài.  - GV cho HS làm cá nhân vào vở, 2 HS làm bảng  - GV cho 1 HS lên tổ chức chữa phần bài  - GV đánh giá HS làm bài  - Để kiểm tra lại kết quả phép trừ có đúng/ sai, ta làm thế nào?  - GV nhấn mạnh kiến thức bài 5.  - Gọi HS đọc bài 6  - Đề bài hỏi gì?  - Muốn biết xã Thắng Lợi phải trồng tất cả bao nhiêu cây thì phải làm thể nào?  - GV yêu cầu HS làm cá nhân vào vở.  - GV chiếu bài 1 HS và yêu cầu lớp nhận xét, nêu lời giải khác.  - GV cho HS đổi chéo vở kiểm tra bài của bạn  - GV đánh giá HS làm bài  - Qua các bài tập, chúng ta được củng cố và mở rộng kiến thức gì?  - GV nhấn mạnh kiến thức tiết học  - GV đánh giá, động viên, khích lệ HS. | - HS lắng nghe luật chơi  - HS chơi  - HS lắng nghe  - HS quan sát  - 1 HS đọc YC bài  - HS cùng GV làm mẫu, nêu cách làm  - HS làm bài nhóm đôi  - HS nêu  - HS đối chiếu, nhận xét.  - HS nêu ý kiến  - HS nêu  - HS lắng nghe  - 1 HS đọc YC bài  - HS làm cá nhân, 2 HS làm bảng  - HS cùng chia sẻ, trao đổi và đánh giá bài làm của nhau  - HS lắng nghe  - HS nêu ý kiến cá nhân  - HS lắng nghe  - 1 HS đọc, lớp đọc thầm  - HS nêu để phân tích đề  - HS làm cá nhân vào vở  - HS nhận xét bài của bạn  - HS kiểm tra chéo vở và báo cáo kết quả.  - HS lắng nghe  - HS nêu ý kiến  - HS lắng nghe |

*\*Rút kinh nghiệm sau giờ dạy (nếu có)*

…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**Ngày soạn:26/ 3/ 2025**

**Ngày giảng: Thứ Sáu ngày 28 tháng 3 năm 2025**

**Tiếng Việt:Tiết 270**

**ÔN TẬP GỮA HỌC KỲ I ( Tiết 10)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

Sau bài học, học sinh:

- Đánh giá kĩ năng viết:

\* Viết chính tả: Nghe – viết bài Hoa đào, hoa mai (52 chữ).

\* Viết đoạn văn (4-5 câu) về một đồ vật, đồ chơi em yêu thích.

- Năng lực chung: Biết cùng các bạn thảo luận nhóm; hợp tác tìm hiểu bài.

- Năng lực riêng: Có kĩ năng đọc thành hiểu; nghe - viết.

- Bồi dưỡng phẩm chất trung thực, chăm chỉ, trách nhiệm.

**II. ĐỒ DÙNG**

**-** Giáo viên:

- Laptop; màn hình máy chiếu; clip, slide minh họa, ...

- Các hình dạng khối trụ, khối cầu.

- Học sinh: SGK, vở, đồ dung học tập...

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU (35P)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1.Khởi động**  **2.Luyện tập**  **3. Vận dụng** | - GV giới thiệu bài học: Trong bài học này, các em sẽ làm thử 2 bài luyện tập, chuẩn bị cho 2 bài đánh giá giữa học kì: Đánh giá kĩ năng nghe – viết và viết đoạn văn.  - GV nêu yêu cầu của BT 1: Nghe - viết bài thơ Hoa đào, hoa mai.  - GV mời 1 HS đứng dậy đọc to bài thơ Hoa đào, hoa mai.  - GV hướng dẫn HS chú ý các từ ngữ dễ viết sai: lấm tấm, thắm đỏ, dát vàng, thoắt, rộ nở, niềm vui.  - GV yêu cầu HS gấp SGK, GV đọc cho HS viết chính tả bài thơ.  - GV mời 1 HS đứng dậy đọc yêu cầu Bài tập 2: Viết 4-5 câu về một đồ vật, đồ chơi em yêu thích,  Gợi ý:  - Đó là đồ vật, đồ chơi gì? (cặp sách, bàn học, gối bông; đồ chơi hình con vật bằng bông, bằng nhựa,...)  - Đặc điểm (tác dụng) của đồ vật, đồ chơi đó.  C:\Users\HP\OneDrive\Desktop\Screenshot_4.png- Tình của của em với đồ vật, đồ chơi đó.  - GV yêu cầu HS viết đoạn văn vào Vở bài tập. GV khuyến khích HS viết nhiều hơn 5 câu.  - GV mời một số HS đọc bài viết của mình.  - GV nhận xét, đánh giá chung.  - Dặn học sinh về nhà xem trước bài học của buổi sau. | - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS đọc bài; các HS khác lăng nghe, đọc thầm theo.  - HS luyện phát âm, chú ý từ ngữ dễ viết sai.  - HS viết bài chính tả.  - HS đọc yêu cầu câu hỏi.  - HS làm bài.  - HS đọc bài: Đồ chơi tôi yêu quý nhất là cô chó bông nhỏ bé. Cô mặc áo đỏ, váy xanh, rất chững chạc. Cổ còn thắt một cái nơ màu đỏ rất điệu. Mắt cô là hai cái cúc áo đen láy. Bộ lông cô dày, màu vàng nhạt và vô cùng ấm áp. Cô chó bông thật đáng yêu.  - HS lắng nghe. |

*\*Rút kinh nghiệm sau giờ dạy (nếu có)*

…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**Toán: Tiết 135**

**BÀI 11: THỰC HÀNH BIỂU DIỄN VỚI BÀN SỐ TÍNH( Tiết 1)**

**DẠY HỌC STEM**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

Sau bài học, học sinh:

– Vận dụng đếm, đọc, viết được các số trong phạm vi 1000.

– Thực hành sử dụng các vật liệu đơn giản và thực hiện được các bước trong thực hành tạo ra sản phẩm.

– Tự tin trình bày ý kiến khi thảo luận đề xuất ý tưởng và trưng bày, giới thiệu sản phẩm của nhóm mình trước lớp.

– Hợp tác với các bạn để tạo sản phẩm và điều chỉnh, hoàn thiện sản phẩm của nhóm.

– Có cơ hội hình thành và phát triển năng lực giải quyết vấn đề sáng tạo, năng lực sử dụng công cụ và phương tiện học toán.

**II. ĐỒ DÙNG**

**-**Giáo viên:

Phiếu học tập cho Hoạt động 2 (trong phụ lục)

Phiếu đánh giá theo nhóm (trong phụ lục).

-Học sinh:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Thiết bị/Dụng cụ** | **Số lượng** | **Hình ảnh minh hoạ** |
| 1 | Giấy bìa cứng/xốp/ vỏ hộp có dạng khối hộp chữ nhật | 1 tấm/hộp |  |
| 2 | Que tính/que thẳng (chất liệu dẻo càng tốt) | 3 que |  |
| 3 | Giấy thủ công nhiều màu sắc | 1 túi |  |
| 4 | Bút mực hoặc bút sáp | 1 cái |  |
| 5 | Keo dán | 1 lọ |  |
| 6 | Kéo | 1 cái |  |

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU (35P)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1.Khởi động**  **2.Khám phá** | **Chơi trò chơi “Thẻ bài”**  – GV mời HS chơi trò chơi “Thẻ bài”.  – GV chiếu các số trên màn hình và yêu cầu HS tìm số lớn nhất, số nhỏ nhất.  – HS nào có câu trả lời đúng và nhanh nhất sẽ được cộng 2 điểm.  – GV tổng kết trò chơi, tuyên dương HS được nhiều điểm nhất.  **Hoạt động 1: Quan sát tranh và trả lời câu hỏi**  – GV chia lớp thành các nhóm, mỗi nhóm 4 HS.  – GV yêu cầu HS thảo luận những gì quan sát được. | -HS chơi trò chơi  – HS theo dõi và trả lời.  – HS làm việc nhóm. |
|  | – GV mời một số HS chia sẻ trước lớp.  – HS các nhóm khác bổ sung (nếu có).  – GV hỏi: Các bạn trong tranh đang dùng dụng cụ gì để biểu diễn các số có ba chữ số? | – Đại diện nhóm chia sẻ kết quả thảo luận, ví dụ:  Chúng em thấy trong tranh có bạn nam đang biểu diễn số 346; cột thứ nhất có 3 hạt đếm màu vàng, cột thứ hai có 4 hạt đếm màu nâu, cột thứ ba có 6 hạt đếm màu cam. Cột thứ nhất biểu diễn số trăm, cột thứ hai biểu diễn số chục, cột thứ ba biểu diễn số đơn vị.  – HS trả lời theo suy nghĩ. |
|  | – GV chốt: Dụng cụ các bạn trong tranh đang sử dụng được gọi là bàn tính. Một trong những tác dụng của bàn tính là để biểu diễn số. |  |
|  | – GV giao phiếu học tập số 1 và yêu cầu HS hoàn thành.  – GV yêu cầu HS trình bày phiếu học tập số 1.  – GV nhận xét và chiếu đáp án.  – GV dẫn dắt vào bài học: Bây giờ chúng ta cùng làm một chiếc bàn tính như vậy nhé! | – HS hoàn thành phiếu học tập số 1.  – HS trình bày phiếu học tập số 1. |
|  | **Hoạt động 2: Nói (theo mẫu)**  – GV phân tích mẫu: GV hỏi HS:  + Cột thứ nhất có mấy hạt đếm màu xanh da trời?  + Cột thứ hai có mấy hạt đếm màu xanh lá?  + Cột thứ ba có mấy hạt đếm màu cam?  + Cột thứ nhất biểu diễn số trăm, cột thứ hai biểu diễn số chục, cột thứ ba biểu diễn số đơn vị. Như vậy, số 643 gồm mấy trăm, mấy chục và mấy đơn vị? | – HS trả lời:  + 6 hạt đếm màu xanh da trời  + 4 hạt đếm màu xanh lá  + 3 hạt đếm màu cam  + Số 643 gồm 6 trăm, 4 chục và 3 đơn vị. |
|  | – Tương tự như mẫu vừa làm, em hãy đếm số hạt trong mỗi cột ở hình 1 trang 51 và nêu cấu tạo của số.  – GV mời HS lên thực hiện.  – GV mời HS khác nhận xét.  – GV mời 3 – 4 HS trình bày trước lớp.  – GV phát phiếu học tập số 2 và yêu cầu HS hoàn thành. | – HS trả lời:  + Số 427 gồm 4 trăm, 2 chục và 7 đơn vị.  + Số 555 gồm 5 trăm, 5 chục và 5 đơn vị.  – HS nhận xét.  – HS bày tỏ suy nghĩ trước lớp.  – HS hoàn thành phiếu. |
|  | – GV mời HS trình bày phiếu học tập số 2. | – HS trình bày phiếu học tập số 2.  + Viết số 352.  Đọc số: Ba trăm năm mươi hai.  352=300+50+2  + Viết số 232.  Đọc số: Hai trăm ba mươi hai.  232=200+30+2  + Viết số 232.  Đọc số: Hai trăm ba mươi hai.  232=200+30+2  + Viết số 134.  Đọc số: Một trăm ba mươi tư.  134=100+30+4 |
| **3.Vận dụng** | – GV mời HS khác nhận xét, bổ sung (nếu có).  -Nhắc lai nội dung giờ học  – GV tổng kết hoạt động và chuyển sang hoạt động sau. | – HS theo dõi.  -HS lắng nghe |

*\*Rút kinh nghiệm sau giờ dạy (nếu có)*

…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

**Hoạt động trải nghiệm: Tiết 81**

**SHL:BÀI 27: CHIA SẺ KHÓ KHĂN VỚI NGƯỜI KHUYẾT TẬT**

**(Tiết 3)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1.Sơ kết tuần:**

- HS nhớ lại những việc mình đã thực hiện được trong tuần. GV hướng dẫn HS những việc cần thực hiện trong tuần tiếp theo.

- Rèn cho HS thói quen thực hiện nền nếp theo quy định.

- Giáo dục HS yêu trường, yêu lớp.

**\* Lồng ghép giáo dục Quyền con người:** Quyền và nghĩa vụ tham gia vào các hoạt động văn hóa ( do nhà trường tổ chức)

**2. Hoạt động trải nghiệm:**

- HS chia sẻ những quan sát của mình về người khuyết tật; thực hiện hoạt động “Tôi đọc bạn nghe”.

**II. ĐỒ DÙNG**

**-**Giáo viên: Tivi chiếu bài.

- Học sinh: SGK.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU (35P)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Hoạt động Tổng kết tuần**  **2.Hoạt động trải nghiệm**    **3. Cam kết hành động** | a. Sơ kết tuần 27:  - Từng tổ báo cáo.  - Lớp trưởng tập hợp ý kiến tình hình hoạt động của tổ, lớp trong tuần 27.  - GV nhận xét chung các hoạt động trong tuần.  \* Ưu điểm:  - Ngoan ngoãn, lễ phép với cô. Hăng hái giơ tay phát biểu.  \* Tồn tại  - Trực nhật lớp còn bẩn, quên chưa đổ rác và rửa cốc.  b. Phương hướng tuần 28:  - Tiếp tục ổn định, duy trì nền nếp quy định.  - Tiếp tục thực hiện tốt các nội quy của nhà trường đề ra.  - Tích cực học tập để nâng cao chất l­ượng.  - Tiếp tục duy trì các hoạt động: thể dục, vệ sinh tr­­ường, lớp xanh, sạch, đẹp và cả ý thức nói lời hay, làm việc tốt ....  a. Chia sẻ cảm xúc sau trải nghiệm lần trước.  − GV mời HS cùng nhớ lại những người xung quanh mình và nêu tên những người khuyết tật em biết.  − Nêu tên người khuyết tật mà em muốn giúp đỡ. Nêu công việc em sẽ làm và dự kiến thời gian thực hiện. (gửi thư chia sẻ; học ngôn ngữ kí hiệu để giao lưu với người khiếm thính, học cách đẩy xe lăn,…).  Kết luận: Mỗi dạng khuyết tật đều có những khó khăn riêng của mình. Chúng ta cần giúp đỡ họ, đồng thời cũng học hỏi ở họ được nhiều điều.  b. Hoạt động nhóm:  - GV hướng dẫn HS Luyện đọc để chuẩn bị cho chương trình “Tôi đọc bạn nghe”.  − GV đề nghị mỗi tổ chọn một bài thơ và mỗi thành viên trong tổ đọc diễn cảm rồi đọc thuộc một hai câu và đọc kết nối.  Kết luận: Bạn không đọc được, mình luyện giọng đọc hay để đọc bạn nghe.  **\* Lồng ghép giáo dục Quyền con người:**  + Ở trường em được tham gia các hoạt động gì do nhà trường tổ chức?  + Khi tham gia các hoạt động đó em cảm thấy thế nào?  -GV kết luận  - Khen ngợi, đánh giá.  - Em hãy thảo luận cùng bố mẹ, người thân tìm cách giúp đỡ một người khuyết tật ở địa phương. | - Lần lượt từng tổ trưởng, lớp trưởng b  - HS nghe để thực hiện kế hoạch tuần 28.     * HS chia sẻ.   - HS thảo luận theo tổ, sau đó chia sẻ trước lớp.   * HS lắng nghe.   - HS thực hiện  -HSTL  -HSTL  - HS thực hiện |

*\*Rút kinh nghiệm sau giờ dạy (nếu có)*

……………………………………………………………………………………………………….………………………………………………………………………

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**Tiếng Việt:Tiết 271**

**CHIA SẺ VÀ ĐỌC: CHUYỆN BỐN MÙA (Tiết 1)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

Sau bài học, học sinh:

- Đọc trôi chảy toàn bài, phát âm đúng các từ ngữ. Ngắt nghỉ hơi đúng sau các dấu câu. Biết đọc phân biệt giọng người kể chuyện với giọng người kể chuyện với giọng các nhân vật (bà Đất, bốn nàng tiên Xuân, Hạ, Thu, Đông).

- Hiểu nghĩa của các từ ngữ: đâm chồi nảy lộc, đơm, tựu trường. Hiểu ý nghĩa câu chuyện: mỗi mùa đều có vẻ đẹp riêng và đều có ích cho cuộc sống. Từ hiểu biết về các mùa.

- Biết đặt và trả lời câu hỏi Vì sao?

- Luyện tập về sử dụng dấu phẩy.

- HS thêm yêu thiên nhiên đất nước.

**II. ĐỒ DÙNG**

**-** Giáo viên: kế hoạch bài dạy, máy tính

-Học sinh: SGK, VBT

**III. Các hoạt động dạy và học CHỦ YẾU (70p)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **TIẾT 1** | | |
| **1.Khởiđộng**  **2.Khámphá**  **3.Vận dụng** | CHIA SẺ VỀ CHỦ ĐIỂM  - GV giới thiệu chủ điểm Các mùa trong năm và 4 tranh minh họa mùa xuân, hạ, thu, đông.  Screenshot_5- GV yêu cầu HS quan sát tranh và trả lời câu hỏi: Mỗi bức tranh thể hiện mùa nào? Vì sao em biết?  - GV giải thích thêm:  + Mùa đông thời tiết rất lạnh, có gió mùa Đông Bắc, có mưa phùn. Mùa động diễn ra vào các tháng 10, 11, 12.  + Mùa xuân có mưa phùn, tiết trời ấm áp, cây cối đâm chồi nảy lộc.  + Mùa thu trời se lạnh, chuẩn bị vào đông, lá của nhiều loài cây vàng úa, rụng. Vì vậy, mùa thu được gọi là mùa lá rụng.  + Mùa hè nóng bức, oi ả. Nhưng phải có nắng mùa hè, trái cây mới ngọt hơn, có hoa thơm hơn.  - GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi: Nơi em ở có mấy mùa? Đó là những mùa nào? Thời tiết của mỗi mùa thế nào?  - GV giải thích: Cách chia bốn mùa: xuân, hạ, thu, đông là cách chia thông thường. Trên thực tế, thời tiết mỗi vùng một khác. Ví dụ, ở miền Bắc nước ta có bốn mùa xâu, hạ, thu, đông; ở miền Nam nước ta chỉ có hai mùa là mùa mưa và mùa khô.  - GV giới thiệu bài học: Bài Chuyện bốn mùa mở đầu chủ điểm sẽ giúp các em mở rộng hiểu biết về bốn mùa xuân, hạ, thu, đông và biết thêm mỗi mùa có đặc điểm gì riêng, thú vị.  - GV chỉ tranh minh hoạ trong SGK. GV yêu cầu HS quan sát tranh, trả lời câu hỏi: Tranh vẽ những ai? Họ đang làm gì?  - GV dẫn dắt vào bài học: Muốn biết bà cụ và các cô gái là ai, họ đang nói với nhau điều gì, các em hãy đọc Chuyện bốn mùa.  Hoạt động 1: Đọc thành tiếng  - GV đọc mẫu bài đọc: giọng người kể chuyện với giọng người kể chuyện với giọng các nhân vật (bà Đất, bốn nàng tiên Xuân, Hạ, Thu, Đông).  - GV tổ chức cho HS luyện đọc nối tiếp câu trước lớp  - GV phát hiện và sửa lỗi phát âm cho HS, hướng dẫn các em đọc đúng các từ ngữ HS địa phương dễ phát âm sai: rước đèn, đâm chồi nảy lộc  - Cho HS đọc tiếp nối 2 đoạn trong bài đọc:  + HS1 (Đoạn 1): từ đầu đến “thích em được”.  + HS2 (Đoạn 2): đoạn còn lại.  - Cho HS đọc tiếp nối 2 đoạn kết hớp giải nghĩa từ  - GV yêu cầu từng cặp HS luyện đọc tiếp nối 2 đoạn như GV đã phân công.  - GV yêu cầu HS thi đọc tiếp nối từng đoạn trước lớp (cá nhân, bàn, tổ).  - Y/C cả lớp đọc toàn bài  - GV mời 1HS đọc lại toàn bài.  -Hôm nay em học chủ đề gì?  -Nêu cảm nhận về một mùa mà em thích nhất?  -GV nhận xét tiết học  -Chuẩn bị bài sau | - Lắng nghe  - HS trả lời câu hỏi:  + Tranh 1: Một cô bé mặc quần áo ấm, đội mũ len đi trên đường. Cây cối bên đường trơ trụi, không một chiếc lá. Đó là bức tranh mùa đông.  + Tranh 2: Bầu trời xanh, hoa lá đua nở, chim én bay về. Đó là bức tranh mùa xuân ấm ấp trăm hoa đua nở.  + Tranh 3: Trong vườn cây, lá ngả màu vàng. Lá bay, lá rụng vàng trên mặt đất. Đó là mùa thu.  + Tranh 4: Trời trong xanh, một cậu bé mặc quần đùi, thả diều. Cánh diều bay cao. Đó là mùa hè nóng bức.  - HS lắng nghe.  - HS trả lời.  - HS lắng nghe.  - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS quan sát tranh, trả lời: Tranh vẽ một bà cụ với gương mặt hiền hậu, đội khăn mỏ quạ, đang tươi cười đứng giữa bốn cô gái xinh đẹp. Mỗi cô có một cách ăn mặc, trang điểm riêng. Họ đang trò chuyện với nhau.  - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS lắng nghe, đọc thầm theo.  - HS đọc nối tiếp câu  - HS luyện phát âm.  - HS đọc  - Thực hiện  - HS luyện đọc.  - HS thi đọc.  - Lớp đọc đồng thanh toàn bài  - HS đọc bài; các HS khác lắng nghe, đọc thầm theo.  -HSTL  -HSTL  -HS lắng nghe |

*\*Rút kinh nghiệm sau giờ dạy (nếu có)*

..........................................................................................................................................................................................................................................................

**Tiếng Việt:Tiết 272**

**CHIA SẺ VÀ ĐỌC: CHUYỆN BỐN MÙA (Tiết 2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

Sau bài học, học sinh:

- Đọc trôi chảy toàn bài, phát âm đúng các từ ngữ. Ngắt nghỉ hơi đúng sau các dấu câu. Biết đọc phân biệt giọng người kể chuyện với giọng người kể chuyện với giọng các nhân vật (bà Đất, bốn nàng tiên Xuân, Hạ, Thu, Đông).

- Hiểu nghĩa của các từ ngữ: đâm chồi nảy lộc, đơm, tựu trường. Hiểu ý nghĩa câu chuyện: mỗi mùa đều có vẻ đẹp riêng và đều có ích cho cuộc sống. Từ hiểu biết về các mùa.

- Biết đặt và trả lời câu hỏi Vì sao?

- Luyện tập về sử dụng dấu phẩy.

- HS thêm yêu thiên nhiên đất nước.

**II. ĐỒ DÙNG**

**-** Giáo viên: kế hoạch bài dạy, máy tính

-Học sinh: SGK, VBT

**III. Các hoạt động dạy và học CHỦ YẾU (70p)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| 3.Thực hành, luyện tập  4. Vận dụng | Hoạt động 2: Đọc hiểu  - GV yêu cầu 3 HS tiếp nối nhau đọc 3 câu hỏi  - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi và trả lời câu hỏi.  - GV mời đại diện HS trình bày kết quả.  + HS1 (Câu 1): Câu chuyện có mấy nàng tiên? Mỗi nàng tiên tượng trưng cho mùa này?  + HS2 (Câu 2): Theo lời các nàng tiên, mỗi mùa có gì hay?  + HS3 (Câu 3): Theo lời bà Đất, mỗi mùa đều có ích, đều đáng yêu như thế nào?  - GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi: Qua bài đọc, em hiểu điều gì?  Hoạt động 4: Luyện tập  - GV mời 1 HS đọc yêu cầu Bài tập 1: Sử dụng câu hỏi Vì sao? Hỏi đáp với bạn:  a. Vì sao mùa xuân đáng yêu?  b. Vì sao mùa hạ đáng yêu?  c. Vì sao mùa thu đáng yêu?  d. Vì sao mùa đông đáng yêu?  - GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm đôi, cùng bạn hỏi đáp và trả lời câu hỏi.  - GV mời đại diện HS trình bày kết quả.  - GV mời 1 HS đứng dậy đọc yêu cầu Bài tập 2: Em cần thêm dấu phẩy vào những chỗ nào trong 2 câu in nghiêng:  Mùa thu, con đường em đi học hằng ngày bỗng đẹp hẳn lên nhờ những cánh đồng hoa cúc. Mỗi bông cúc xinh xắn dịu dàng lung linh như những tia nắng nhỏ. Còn bầu trời thì tràn ngập những tiếng chim trong trẻo ríu ran.  - GV yêu cầu HS đọc thầm lại đoạn văn, làm bài vào Vở bài tập.  - GV mời đại diện HS trình bày câu trả lời. GV giúp HS ghi lại kết quả lên bảng phụ.  - GV mời HS đọc lại đoạn văn đã điền dấu phẩy hoàn chỉnh.  - GV gọi HS đọc lại bài  - Nhận xét tiết học  - Dặn dò chuẩn bị bài sau | - 3 HS tiếp nối nhau đọc 3 câu hỏi  - HS thảo luận nhóm đôi  - HS trình bày:  + Câu 1: Truyện có 4 nàng tiên: Xuân, Hạ, Thu, Đông. Mỗi nàng tiên tượng trưng cho 1 mùa trong năm.  + Câu 2: Theo lời các nàng tiên, mỗi mùa có điều hay:  - Theo nàng Đông: Mùa xuân về, vườn cây nào cũng đâm chồi nảy lộc. Ai cũng yêu quý nàng Xuân.  - Theo nàng Xuân: Phải có nắng của nàng Hạ thì cây trong vườn mới đơm trái ngọt. Có nàng Hạ, các cô cậu học trò mới được nghỉ hè.  - Theo lời nàng Hạ: Thiếu nhi thích nàng Thu nhất. Không có nàng Thu, làm sao có đêm trăng rằm rước đèn, phá cỗ.  - Theo lời nàng Thu: Có nàng Đông mới có giấc ngủ ấm trong chăn. Mọi người không thể không yêu nàng Đông.  + Câu 3: Theo lời bà Đất, mỗi mùa đều có ích, đều đáng yêu: Mùa xuân làm cho cây lá tươi tốt. Mùa hạ cho trái ngọt, hoa thơm. Mùa thu làm cho trời xanh cao. Cho HS nhớ ngày tựu trường. Mùa đông ấp ủ mầm sống để xuân về cây trái đâm chồi nảy lộc.  - HS trả lời: Bài đọc ca ngợi bốn mùa xuân, hạ, thu, đông. Mỗi mùa đều có vẻ đẹp riêng, đều có ích cho cuộc sống.  - HS đọc yêu cầu câu hỏi.  - HS thảo luận theo nhóm đôi.  - HS trình bày:  a. Vì sao mùa xuân đáng yêu?/ Vì mùa xuân tiết trời ấm áp, hoa lá tốt tươi, cây cối đâm chồi nảy lộc.  b. Vì sao mùa hạ đáng yêu?/Vì mùa hạ có nắng, giúp hoa thơm trái ngọt.  c. Vì sao mùa thu đáng yêu?/Vì mùa thu có đêm trăng rước đèn, phá cỗ.  d. Vì sao mùa đông đáng yêu?/Vì mùa đông mới có giấc ngủ ấm trong chăn.  - HS đọc yêu cầu câu hỏi.  - HS đọc thầm, làm bài vào vở.  - HS trình bày: Mùa thu, con đường em đi học hằng ngày bỗng đẹp hẳn lên nhờ những cánh đồng hoa cúc. Mỗi bông cúc xinh xắn, dịu dàng lung linh như những tia nắng nhỏ. Còn bầu trời thì tràn ngập những tiếng chim trong trẻo, ríu ran.  - HS đọc đoạn văn hoàn chỉnh.  - 2, 3 HS đọc lại bài  - HS lắng nghe. |

*\*Rút kinh nghiệm sau giờ dạy (nếu có)*

…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**Toán: Tiết 136**

**BÀI 11: THỰC HÀNH BIỂU DIỄN VỚI BÀN SỐ TÍNH( Tiết 2)**

**DẠY HỌC STEM**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

Sau bài học, học sinh:

– Vận dụng đếm, đọc, viết được các số trong phạm vi 1000.

– Thực hành sử dụng các vật liệu đơn giản và thực hiện được các bước trong thực hành tạo ra sản phẩm.

– Tự tin trình bày ý kiến khi thảo luận đề xuất ý tưởng và trưng bày, giới thiệu sản phẩm của nhóm mình trước lớp.

– Hợp tác với các bạn để tạo sản phẩm và điều chỉnh, hoàn thiện sản phẩm của nhóm.

– Có cơ hội hình thành và phát triển năng lực giải quyết vấn đề sáng tạo, năng lực sử dụng công cụ và phương tiện học toán.

**II. ĐỒ DÙNG**

**-**Giáo viên:

Phiếu học tập cho Hoạt động 2 (trong phụ lục)

Phiếu đánh giá theo nhóm (trong phụ lục).

-Học sinh:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Thiết bị/Dụng cụ** | **Số lượng** | **Hình ảnh minh hoạ** |
| 1 | Giấy bìa cứng/xốp/ vỏ hộp có dạng khối hộp chữ nhật | 1 tấm/hộp |  |
| 2 | Que tính/que thẳng (chất liệu dẻo càng tốt) | 3 que |  |
| 3 | Giấy thủ công nhiều màu sắc | 1 túi |  |
| 4 | Bút mực hoặc bút sáp | 1 cái |  |
| 5 | Keo dán | 1 lọ |  |
| 6 | Kéo | 1 cái |  |

1. **CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU (35P)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1.Khởi động**  **2.Khám phá** | **-**GV kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh  -GV nhận xét  -GV nêu yêu cầu tiết học  **Hoạt động 3: Đề xuất ý tưởng và cách làm bàn tính biểu diễn số**  ***a) Thảo luận và chia sẻ ý tưởng làm bàn tính biểu diễn số***  – GV chia lớp thành các nhóm, mỗi nhóm 4 – 6 HS.  – GV tổ chức cho HS thảo luận và chia sẻ về ý tưởng làm bàn tính biểu diễn số theo các tiêu chí: + Có cột trăm, cột chục và cột đơn vị.  + Mỗi cột có thể xếp được 9 hạt.  + Sản phẩm chắc chắn, sử dụng được nhiều lần.  – GV mời đại diện nhóm chia sẻ ý tưởng làm bàn tính. GV có thể đặt một số câu hỏi gợi ý:  + Sản phẩm của nhóm gồm những bộ phận nào?  + Vật liệu để làm các bộ phận đó là gì?  + Cách làm chúng như thế nào?  + Nếu làm thế thì sản phẩm của nhóm có chắc chắn không? Có sử dụng được nhiều lần không?  + Hãy suy nghĩ để hoàn thiện hơn ý tưởng của mình, đáp ứng tiêu chí tốt hơn.  + … | -HS thực hiện  -HS lắng nghe  – HS lập nhóm theo yêu cầu.  – Đại diện nhóm chia sẻ.  Ví dụ: Sản phẩm bàn tính của nhóm làm có đế, có 3 cột: cột trăm, cột chục, cột đơn vị. Mỗi cột biểu diễn được 9 hạt, màu sắc của các hạt khác nhau. Nhóm dùng vỏ hộp hình chữ nhật để làm đế, dùng bìa màu để làm hạt vòng biểu diễn số,... |
|  | – GV mời HS các nhóm khác nhận xét góp ý để hoàn thiện ý tưởng làm sản phẩm.  ***b) Lựa chọn ý tưởng và đề xuất cách làm bàn tính biểu diễn số***  – GV yêu cầu HS thảo luận nhóm để lựa chọn ý tưởng, đề xuất giải pháp làm bàn tính: cấu tạo của bàn tính, mỗi bàn tính có mấy cột, chức năng của mỗi cột? | – HS các nhóm khác nhận xét góp ý. |
|  | – GV mời đại diện 1 – 2 nhóm chia sẻ ý tưởng và đề xuất các giải pháp làm bàn tính của nhóm mình. | – Đại diện nhóm chia sẻ ý tưởng và đề xuất các giải pháp làm sản phẩm. Ví dụ:  Nhóm em sử dụng vật liệu miếng xốp để làm đế que tính, làm trục que tính.  – Bàn tính gồm: đế, trục và các hạt biểu diễn số.  – Bàn tính biểu diễn được số có một, hai, ha chữ số.  – Em vẽ và tô màu để trang trí bàn tính. |
| **3.Thựchành** | – GV mời các nhóm khác góp ý, bổ sung để nhóm hoàn thiện ý tưởng, giải pháp làm bàn tính.  – GV giao phiếu học tập số 3 và yêu cầu HS hoàn thành.  – GV mời HS trình bày phiếu học tập số 3.  – GV chiếu đáp án.  **Hoạt động 4: Làm bàn tính biểu diễn số**  ***a) Lựa chọn dụng cụ và vật liệu*** | – HS góp ý, bổ xung.  – HS hoàn thành phiếu học tập số 3.  – HS trình bày.  –HS thảo luận nhóm |
|  | – GV yêu cầu HS lựa chọn dụng cụ và vật liệu phù hợp với phương án nhóm đã chọn.  + Đế của bàn tính làm bằng vật liệu gì? (xốp, bìa, vỏ hộp,… có hình dạng khối hình chữ nhật)  + Các cột biểu diễn số đơn vị được làm bằng gì? (que tính, ống hút, que thẳng...)  + Các hạt đếm làm bằng chất liệu gì? Màu sắc gì? Hình dáng? | – HS lựa chọn dụng cụ và vật liệu phù hợp với phương án của nhóm. |
|  | ***b) Làm bàn tính biểu diễn số theo cách của em hoặc nhóm em*** |  |
| **4.Vận dụng** | – GV chiếu gợi ý trong sách trang 52 để HS tham khảo. Yêu cầu các nhóm thực hành làm sản phẩm.  – GV quan sát và hỗ trợ HS khi cần thiết.  – Sau khi HS làm xong mô hình, GV yêu cầu các nhóm tự đối chiếu và kiểm tra lại theo các tiêu chí để được sản phẩm tốt nhất.  **Hoạt động 5: Chơi trò chơi “Ai nhanh ai đúng”**  ***a) Trưng bày và giới thiệu sản phẩm***  – GV tổ chức cho các nhóm trưng bày mô hình vừa làm của nhóm mình.  – GV mời các nhóm giới thiệu sản phẩm. | – HS làm việc nhóm tạo sản phẩm bàn tín biểu diễn số.  – HS trưng bày sản phẩm.  – Đại diện nhóm giới thiệu sản phẩm.  (Giới thiệu về cấu tạo, chất liệu làm từng bộ phận của bàn tính, cách sử dụng bàn tính,…) |
|  | ***b) Chơi trò chơi “Ai nhanh ai đúng”***  – GV nêu cách chơi:  Một bạn làm quản trò, nêu một số bất kì.  Các nhóm thể hiện số đó trên bàn tính của nhóm mình và nói số đó gồm mấy trăm, mấy chục, mấy đơn vị.  Nhóm nào làm đúng và nhanh nhất thì được 2 điểm.  Sau 5 lần chơi, nhóm nào được nhiều điểm nhất thì chiến thắng.  – GV mời HS chơi trò chơi. | – HS theo dõi.  – Các nhóm sử dụng bảng tính để chơi trò chơi. |
|  | – Kết thúc trò chơi: GV tuyên dương nhóm chiến thắng.  – GV hỏi HS về cảm xúc sau khi làm được sản phẩm và sử dụng sản phẩm để chơi trò chơi. | – HS chia sẻ cảm xúc của mình. |
|  | – GV tổ chức cho HS tự đánh giá sản phẩm của mình bằng cách tô khuôn mặt cảm xúc phù hợp.  – GV nhắc HS chưa hoàn thiện sản phẩm và phiếu học tập hoàn thiện nốt.  – GV khen ngợi nhóm HS tốt tham gia hoạt động, động viên các nhóm làm chưa tốt để lần sau cố gắng. | -HS thực hiện  -HS lắng nghe |

*\*Rút kinh nghiệm sau giờ dạy (nếu có)*

…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………